

Sự Tích Phật A Di Đà Và Bảy Vị Bồ Tát

Sự Tích Phật A Di Đà

Đức Phật A Di Đà là một ngôi giáo chủ trên cõi Lạc Bang, oai đức không cùng, thệ nguyện rất lớn, mở môn phương tiện, độ kẻ chúng sanh ra khỏi Ta Bà đem về tịnh độ.

Trong Kinh Bi Hoa nói rằng: Về khoảng hằng sa kiếp trước, có một đại kiếp gọi là Thiện Trì. Khi ấy tại cõi Tân Đề Lam thế giới có vua Chuyển Luân Thánh Vương, tên Vô Trách Niệm, thống lãnh cả bốn xứ thiên hạ: một là Đông Thắng Thần Châu, hai là Nam Thiện Bộ Châu, ba là Tây Ngưu Hoá Châu, và bốn là Bắc Cu Lô Châu. Tiếng nhân hiền đồn dậy bốn phương, đức từ thiện đượm nhuần khắp xứ, nên hết thấy nhân dân ai nấy cũng sẵn lòng ái kính.

Vua ấy có nhiều người con và có một vị đại thần tên là Bảo Hải. Con dòng Phạm Chí, rất tinh thông về nghề xem thiên văn.

Ông Bảo Hải lại có một người con trai tướng tốt lạ thường, từ dưới chân lên đến trên đầu đều có ba mươi hai dấu tốt.

Khi con ông mới sanh ra, thì có các hàng khách tôn quý đem nhiều đồ lễ vật đến dâng cho, nhân vậy mà đặt tên là Bảo Tạng.

Lúc khôn lớn, thì Bảo Tạng xem biết việc đời là thống khổ, thân mạng lại vô thường, tự nhiên sanh lòng chán ngán, bỏ cuộc vinh hoa, liền xuất gia tu hành, chẳng đặng bao lâu mà đã thành Phật, hiệu là Bảo Tạng Như Lai, đủ các đạo pháp nhiệm mầu, thần thông rộng lớn. Khi thành Phật rồi, thì Ngài dạo khắp các nơi mà hóa độ chúng sanh, có nhiều hàng đệ tử đã chứng đặng quả Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, nên nhân dân ai nấy cũng sẵn lòng hoan nghinh.

Có một bữa ăn, vua Vô Trách Niệm nghe Phật Bảo Tạng cùng đại chúng đến giảng đạo tại vườn Diêm Phù, gần bên thành, thì tự nghĩ rằng:

"Nay ta muốn đến chỗ Phật, đặng xem coi giảng đạo lý gì mà thiên hạ tín ngưỡng đông như thế!"

Nghĩ như vậy rồi, vua cùng các vị vương tử, đại thần và quyến thuộc bèn đến vườn Diêm Phù lễ Phật vừa xong, liền đi chung quanh ba vòng, rồi ngồi bên ngài mà nghe pháp.

Vua Vô Trách Niệm xem thấy đức Bảo Tạng Như Lai khoan chân ngồi trên bảo tọa có hình con sư tử, rất bức trang nghiêm, đủ tướng tốt đẹp, chung quanh thân ngài có ánh sáng nhiều sắc chói lòa.

Còn trong pháp hội thì thấy: nào là những người đã xuất gia làm đệ tử của Phật, cạo tóc, đắp y; nào là những hàng vương tử, đại thần mặc đồ anh lạc; nào là cung nga mỹ nữ dung mạo tốt xinh; nào là sĩ, nông, công, thương, áo xiêm chỉnh đốn, kẻ thì chấp tay ngồi im lặng, người thì quỳ gối thưa hỏi, xem bộ ai nấy cũng chăm ngó Phật mà nghe pháp cả.

Vua Vô Trách Niệm quan sát khắp đủ mọi lễ, bèn ngẩng nhìn thân mình, rồi trở lại ngó Phật, mắt sừng không nháy, lòng thiết hoan nghênh, cái tâm niệm tín ngưỡng tự nhiên phát lộ, liền đánh lễ ngài và đi xung quanh ba vòng, rồi cũng ngồi xuống một bên ngài mà chăm nghe lời giảng dạy.

Vua nghe đức Bảo Tạng Như Lai diễn đủ các pháp, thì lòng đã mở thông, căn thân thanh tịnh, rõ đường giải khổ, biết sự làm lành, liền quỳ xuống chấp tay mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi muốn sắm đủ những đồ ăn uống, áo chăn, mền nệm, và thuốc men, dâng dâng cúng cho ngài và đại chúng luôn trọng ba tháng ở đây mà giảng đạo, xin ngài từ bi ái nạp."

Vua Vô Trách Niệm thấy Phật nhận lời, liền trở về truyền lệnh sắm sửa đủ mọi lễ, cứ đúng buổi mà dâng cúng không hề trễ nãi.

Vua lại khuyên bảo các vị vương tử, đại thần, quyến thuộc và nhân dân rằng: "Các người có biết hay không? Nay trẫm đã mở lòng bố thí, kính thỉnh đức Bảo Tạng Như Lai và đại chúng đến mà cúng dường trọn ba tháng. Những đồ báu trọng ngon đẹp của trẫm thọ dụng bấy lâu nay đều đem dâng cúng tất cả. Các người cũng thể theo ý trẫm xả bớt huyền tài mà cúng Phật, Tăng, đặng cầu phước báu."

Cả thấy đều vâng lời vua khuyên, hết lòng sắm sửa lễ vật mà dâng cúng Phật.

Có một hôm, quan đại thần Bảo Hải, là phụ thân của đức Bảo Tạng Như Lai, nằm chiêm bao thấy vua Vô Trách Niệm làm sự bố thí lớn, mà việc cầu phước báu thì nhỏ. Sự ao ước của vua còn thuộc về phước hữu lậu trong cõi nhân thiên, chưa thoát ra khỏi luân hồi sanh tử.

Vậy nên quan đại thần chẳng đặng vui lòng, vì ý của ông muốn làm sao cho vua phát tâm cầu quả Bồ Đề, tu thành Phật đạo mà cứu vớt mọi loài chúng sanh, chớ không muốn cho vua cầu phước báu nhỏ nhen như hàng tiểu dân vậy.

Quan đại thần suy nghĩ như vậy, bèn đến chỗ Phật Bảo Tạng Như Lai tỏ diềm chiêm bao ấy, và tâu với vua Vô Trách Niệm rằng: "Muôn tâu Đại Vương! Xin suy nghĩ đến việc này. Về sự sanh tử luân hồi phải bỏ thân này mang lột khác, nên khó đặng thân người. Nay Đại Vương đã cảm lấy phước báu làm đặng vương thân, thiết là quý báu biết dường nào! Các đức Phật tùy cơ duyên của chúng sanh cảm triệu mà ứng hiện ra đời, cũng như bông hoa ưu

đam ứng thời mà nở, thiết là ít có! Nay Đại Vương gặp Phật xuất thế, thì phần hân hạnh biết bao! Dứt trừ lòng dục vọng, làm mọi sự phước duyên, cũng là việc khó mà Đại Vương làm được như vậy, thiết là ít ai bì được!

Xin Đại Vương thứ lỗi cho ngu thần hỏi lời này: Ngày nay Đại Vương cúng dường Phật, Tăng, dùng phước duyên đó mà cầu nguyện những việc chi, xin cho ngu thần rõ.

Nếu Đại Vương muốn cầu sanh về cõi trời mà làm một vị thiên tử hưởng sự phước thọ hay là muốn cầu sanh về cõi nhân gian làm vua Chuyển Luân, thống lãnh bốn châu thiên hạ như ngày nay vậy, thì cũng còn ở trong khổ ải, chớ chưa ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Thưa Đại Vương! Hai sự phước báu tôi đã trần tâu đó đều là tướng vô định, đều là sự vô thường, thí như cơn gió thổi, đường tợ đám mây tan, có chắc chắn lâu dài chi đâu mà phải cầu nguyện!

Nếu sanh về cõi trời, khi hưởng sự khoái lạc mà có tạo ác nghiệp, thì cũng phải đoạ vào địa ngục, đáng chịu khổ. Còn như sanh về cõi nhân gian, thì lại chịu mọi sự khổ não phần thì oán cừu gặp gỡ, phần thì ân ái chia lìa, cái khổ trạng ấy không thể kể xiết.

Vì Đại Vương nhờ nhân duyên tu phước đời trước, nên mới hưởng được sự tôn vinh như vậy. Nếu nay Đại Vương giữ gìn giới luật, thì sẽ được phước báu lớn hơn nữa, còn như tu học chánh pháp, thì sẽ thành chứng trí.

Vậy xin Đại Vương nên phát tâm cầu đạo vô thượng bồ đề, chớ đừng cầu nguyện những việc phước nhỏ nhen như hạng người thường kia vậy."

Vua Vô Trách Niệm nghe quan đại thần Bảo Hải khuyên thỉnh như thế, thì tâm lượng tự nhiên mở rộng, liền đáp rằng: "Trẫm chẳng cầu những việc như khanh nói đó đâu! Trẫm muốn trải khắp trong đường sanh tử, làm sự bố thí, trì giới, hầu nghe những pháp mầu nhiệm, tu hạnh bồ tát và cứu vớt chúng sanh, do nhân duyên ấy mà phát tâm bồ đề."

Đại thần Bảo Hải lại nói rằng: "Bồ Đề là một đạo rất trong sạch sáng suốt, rất ngay thẳng chính đáng, rất trang nghiêm tốt đẹp, rất rộng lớn cao sâu, khắp cả hư không, trùm cả sa giới, rất có oai thần mãnh lực.

Và lại đạo Bồ Đề là hạnh bố thí, sẽ được giàu sang, là hạnh trì giới, sẽ được thanh tịnh, là hạnh nhẫn nhục, sẽ được vô ngã, là hạnh tinh tấn, sẽ được bất thối, là hạnh thiền định, sẽ được vắng lặng, là hạnh bát nhã, sẽ được sáng suốt.

Tu được như vậy mới đến chỗ an lạc và mới chứng được quả niết bàn. Vậy xin Đại Vương nên phát tâm mà cầu đạo ấy."

Vua Vô Trách Niệm đáp rằng: "Này khanh! Đương thời trung kiếp, mỗi người sống lâu chỉ có tám vạn tuổi mà thôi! Nay đức Bảo Tạng Như Lai ứng hiện ra đời mà giáo hóa chúng sanh, hoặc có kẻ chứng pháp tam muội, hoặc có người được bậc bồ tát, hoặc được thọ ký làm Phật, hoặc được quả báo nơi cõi nhân thiên. Trong hàng chúng sanh có một người nào không trông cậy lạnh mà đức Như Lai chẳng nói pháp đoạn khổ.

Tuy ngài là phước điền của chúng sanh, song những người không có căn lành thì ngài không có thể hóa độ cho dứt được mọi sự khổ não.

Nay Trẫm phát bồ đề tâm, tu bồ tát hạnh, học đạo đại thừa, chứng pháp môn rất mầu nhiệm, chuyên làm Phật sự mà giáo hóa chúng sanh. Trẫm muốn cầu làm sao cho khi thành đạo bồ đề, thì thế giới được trang nghiêm thanh tịnh, chúng sanh không còn có một chút khổ gì. Nếu được như vậy thì Trẫm sẽ chứng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác."

Vua Vô Trách Niệm nói như vậy rồi, bèn đi với quan đại thần Bảo Hải đến chỗ đức Bảo Tạng Như Lai, thấy ngài đương nhập định, lại dùng phép thần thông biến hóa và phóng hòa quang sáng suốt, hiện cả mười phương thế giới của chư Phật ra trước mặt cho chúng hội xem: hoặc có cõi Phật đã niết bàn rồi, hoặc có cõi Phật đương niết bàn, hoặc có các cõi vị bồ tát mới ngồi nơi đạo tràng dưới cây bồ đề, đương hàng phục chúng ma, hoặc có cõi Phật mới thành đạo và mới nói pháp, hoặc có cõi Phật thành đạo đã lâu, đương còn nói pháp, hoặc có thế giới toàn là các bậc bồ tát, hoặc có thế giới toàn là những hàng thanh văn và duyên giác, hoặc có thế giới không có Phật, bồ tát, thanh văn và duyên giác chi hết, hoặc có thế giới đủ năm món ác trực, hoặc có thế giới đủ các thứ trang nghiêm, hoặc có thế giới bèn dơ nhớp, hoặc có thế giới tốt đẹp lạ thường, hoặc có thế giới mà nhân dân sống lâu vô cùng, hoặc có thế giới mà nhân dân thọ mạng ngắn ngủi, hoặc có thế giới thường bị tai nạn thủy hỏa, hoặc có thế giới hằng bị tai nạn gió bão, hoặc có thế giới gần thành tựu, hoặc có thế giới đã thành tựu rồi.

Đại thần Bảo Hải thấy vậy, bèn tâu với vua Vô Trách Niệm rằng: "Nay Đại Vương nhờ sức oai thần của đức Như Lai mà được thấy các thế giới, vậy Đại Vương phát bồ đề tâm muốn cầu lấy thế giới nào."

Vua chấp tay mà thưa với đức Bảo Tạng Như Lai rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Chẳng biết các vị bồ tát tu hạnh gì mà chiêm ngưỡng cõi Phật tốt đẹp trang nghiêm, tu nghiệp gì mà chiêm ngưỡng thế giới xấu xa ác trực.

Do nghiệp gì mà được thọ mạng lâu dài, tạo nghiệp gì mà thọ số ngắn ngủi? Xin ngài chỉ dạy cho tôi biết mà tu học."

Đức Bảo Tạng Như Lai nói rằng: "Vì bởi các vị Bồ Tát có sức thế nguyện, muốn ở cõi thế giới thanh tịnh, không có các điều ác trực, nên sau khi thành đạo được về ở cõi ấy rất trang nghiêm.

Còn các vị Bồ Tát nào do sức thế nguyện, muốn ở cõi thế giới ngũ trược đủ sự phiền não, nên sau khi thành đạo về ở cõi ấy."

Vua Vô Trách Niệm lễ Phật rồi lui trở về trong cung, một mình ngồi im lìm mà suy nghĩ đến sự thế nguyện của mình, mong cầu cho được cõi cực kỳ tốt đẹp, đáng tiếp dẫn chúng sanh.

Suy nghĩ rồi vua bèn trở lại lễ Phật mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Vì tôi muốn chứng đạo bồ đề, nên đem công đức cúng dường ngài và đại chúng trong ba tháng mà cầuặng cõi Phật rất thanh tịnh trang nghiêm.

Bạch đức Thế Tôn!

1. Nay tôi nguyện trong khi tôi thành Phật, làm sao đặng một thế giới đủ sự vui đẹp, hình dạng nhân dân trong cõi ấy toàn là sức vàng và không có những đường địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh xen ở chung lộn. Hết thấy chúng sanh nơi cõi ấy chẳng khi nào còn phải thối chuyển mà đọa vào trong ba đường dữ đó nữa, và người nào cũng đủ sáu phép thần thông và căn thân tốt đẹp.

2. Tôi nguyện tất cả chúng sanh được về cõi ấy, đều thành đàn ông tươi tốt vô cùng, không còn thọ báo sắc thân đàn bà và cũng chẳng cần có danh hiệu của người đàn bà nữa. Hết thấy chúng sanh khi được về đó, thần thức đầu thai trong bông sen, lúc bông nở ra thì căn thân xinh tốt, thọ mạng lâu dài, không kể xiết đặng.

3. Tôi nguyện cõi ấy đặng trang nghiêm, cảnh vật thiệt xinh đẹp, không có mọi sự nhiễm trước, hằng có hoa tốt hương thơm mùi bay các hướng.

4. Tôi nguyện cho chúng sanh trong cõi ấy, ai nấy cũng đều đặng bao mười hai tướng tốt, sáu phép thần thông, trong giây phút đạo khắp các cõi Phật trong mười phương, đặng cúng dường và nghe pháp, rồi trở về cũng chưa trễ buổi ăn.

5. Tôi nguyện nhân dân trong cõi ấy đều đặng mọi sự thọ dụng tự nhiên, đúng giờ ăn thì có đủ các món ngon vật lạ hiện ra trước mắt, còn muốn bận đồ gì thì có áo xiêm tốt đẹp hiện ra bên mình, không cần phải sắm sửa như trong cõi nhân gian này.

6. Tôi phát nguyện cầu đặng cõi Phật như vậy, đặng từ rày về sau, đời đời kiếp kiếp, thường tu hạnh bồ tát, làm sự hi hữu mà tạo thành cõi Tịnh Độ, đến thời kỳ chứng đạo thì ngồi dưới cây bồ đề mà thành quả chánh giác, phóng hào quang soi các thế giới cho các đức Phật đều xem thấy, đặng khen ngợi danh hiệu của tôi.

7. Tôi nguyện khi thành Phật rồi, những loài chúng sanh ở trong thế giới khác, đã có tu tập thiện căn, hãy nghe danh hiệu tôi mà muốn sanh về cõi tôi, đến khi lâm chung đặng vãng sanh, chỉ trừ những người phạm tội ngũ nghịch, tội chê bai các pháp đại thừa và phá hư chánh pháp mà thôi.

8. Tôi nguyện khi tôi thành Phật rồi, mà có chúng sanh ở các thế giới đã phát bồ đề tâm, tu bồ tát đạo, muốn sanh về cõi tôi, thì đến khi mạng chung, tôi và đệ tử tôi đều hiện thân đến trước mặt người ấy đặng tiếp dẫn.

9. Tôi nguyện khi tôi nhập diệt, trái vô số kiếp về sau những người nữ nhân ở trong các thế giới nghe danh hiệu tôi mà chăm lòng vui mến và phát bồ đề tâm, cho đến lúc thành Phật, cứ cảm báo đặng làm thân đàn ông hoài, chớ không khi nào còn mang lấy thân đàn bà nữa.

Bạch đức Thế Tôn! Tôi nguyện đặng cõi Phật như vậy, chúng sanh như vậy, mọi sự thanh tịnh trang nghiêm như vậy, thì tôi mới chịu thành Phật."

Đức Bảo Tạng Như Lai nghe vua Vô Tránh Niệm nguyện mấy lời ấy rồi khen rằng: "Hay thay! Hay thay! Đại Vương phát nguyện sâu lớn, muốn cõi thanh tịnh. Kia Đại Vương hãy xem qua hướng Tây, cách trăm ngàn muôn ức cõi Phật có một thế giới gọi là Tôn Thiện Vô Cấu, giáo chủ cõi ấy hiệu là Tôn Âm Vương Như Lai, hiện nay đương vì các bậc bồ tát mà giảng dạy pháp đại thừa, giáo hóa các người thượng căn, chớ không diễn thuyết mấy pháp quyền tiểu.

Trong cõi ấy cũng không có chúng sanh căn trí tiêu thừa và cũng không có một người nữ nhân. Nhưng y báo (cảnh vật) và chánh báo (căn thân) của Phật Tôn Âm Vương Như Lai thiệt thanh tịnh trang nghiêm, rất xứng hiệp với chỗ cầu nguyện của Đại Vương đó! Vì Đại Vương có thế nguyện muốn cõi thanh tịnh, nên nay ta đổi hiệu Đại Vương là Vô Lượng Thanh Tịnh.

Khi Vô Lượng Thanh Tịnh mãn một trung kiếp, thì đức Phật Tôn Âm Vương Như Lai nhập niết bàn, chánh pháp truyền bá đặng mười trung kiếp. Đến khi diệt độ, trải qua sáu mươi trung kiếp, thì cõi Tôn Thiện Vô Cấu đổi tên lại là Di Lâu Quang Minh, có đức Phật hiệu là Bất Khả Tư Nghị Công Đức Vương Như Lai, ứng hiện ra đời mà hóa đạo chúng sanh. Sau khi đức Phật ấy nhập Niết Bàn rồi, trải vô số hằng sa kiếp và vô lượng Phật diệt độ, thì cõi Di Lâu Quang Minh đổi tên lại là An Lạc, đến thời kỳ Vô Lượng Thanh Tịnh chứng quả về cõi đó mà thành Phật thì hiệu là A Di Đà Như Lai (Vô Lượng Thọ), sống lâu vô cùng, tiếp dẫn vô lượng chúng sanh trong các thế giới về đó, rồi giáo hóa cho thành Phật đạo tất cả."

Vua Vô Tránh Niệm nghe Phật Bảo Tạng Như Lai thọ ký như vậy liền thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu lòng thế nguyện của tôi quả đặng y như lời thọ ký của ngài, thì tôi kính lễ xin nhờ ngài dùng phép thần thông làm cho các đức Phật ở trong hằng sa thế giới cũng thọ ký cho tôi như ngài nữa."

Vua Vô Tránh Niệm thưa rồi, đương cúi đầu lễ, tức thì mười phương thế giới thấy đều vang động.

Vua ở trong pháp hội nghe chư Phật đều thọ ký cũng như lời đức Phật Bảo Tạng đã nói trên đó, thì rất đổi vui mừng, liền chấp tay đánh lễ, rồi ngồi nghe Phật Bảo Tạng thọ ký cho các vị bồ tát khác.

Từ đó về sau, vua Vô Tránh Niệm mạng chung thọ sanh ra các đời khác, kiếp nào cũng giữ lời bổn nguyện, tu hạnh bồ tát cứu độ chúng sanh, trải vô lượng kiếp quả mãn công viên hiện thành chánh giác, đến nay đã mười đại kiếp rồi, ngài ở cõi Cực Lạc thế giới bên Tây phương, đương giảng dạy các pháp đại thừa và hằng tiếp dẫn chúng sanh đem về cõi ấy.

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát
Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát
Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát
Nam mô Địa Tạng Bồ Tát
Nam mô Di Lặc Bồ Tát
Nam mô Đức Chuẩn Đề Bồ Tát

Sự tích Quán Thế Âm Bồ Tát

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, khi chưa xuất gia tu hành, có một kiếp ngài làm con đầu lòng của vua Vô Trách Niệm, tên là Bất Huyền Thái Tử.

Trong thời kỳ vua ấy thống trị thiên hạ, thì có Phật Bảo Tạng ra đời.

Vua thấy nhân tâm xu hướng theo lời giáo hóa của Phật càng ngày càng đông, bèn suy nghĩ rằng:

"Nếu đạo Phật không phải chân chánh, thì đâu có lẽ người ta sùng bái khắp xứ như vậy!"

Nên vua mới phát tâm sắm đủ lễ vật đến cúng dường Phật và chúng tăng trong ba tháng, và lại khuyên các vị vương tử và đại thần cũng làm như vậy.

Khi ấy Bất Huyền Thái Tử vâng lời Phụ Vương, hết lòng tin kính, sắm đủ các món ngon quý và đem những đồ trân trọng của mình mà dâng cúng cho Phật và đại chúng trong ba tháng, không trễ nãi bữa nào và cũng không món gì kém thiếu.

Quan đại thần Bảo Hải, là phụ thân của Phật Bảo Tạng, thấy vậy khuyên rằng: "Điện Hạ đã sẵn lòng tu phước mà cúng Phật, cúng tăng, vậy xin Điện Hạ hãy đem công đức đó mà hồi hướng về đạo vô thượng bồ đề, chớ nên cầu sự phước báu trên cõi trời Đao Lợi hay là cõi trời Phạm Thiên làm chi.

Bởi vì mấy cõi ấy, tuy là cảnh vật vui tốt, nhân dân vui sướng, cảnh thân đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài, được phép thần thông, dạo đi tự tại, những đồ y thực sẵn có, các cuộc du hí đủ bày, trăm thức tự nhiên thọ dụng đủ đều khoái lạc, không có sự khổ như cõi nhân gian.

Cái phước báu trong các cõi đó tuy là mỹ mãn như thế, nhưng còn thuộc về hữu lậu, có hư có mất, chắc chắn gì đâu, chính là sự vô thường, thật là tướng vô định, như cơn gió thổi mau không có thể lực gì cầm lại được, hết vui thì xảy ra buồn, hết sướng thì trở lại khổ, dầu có sống lâu đến mấy ngàn năm đi nữa, cũng không khỏi con ma sanh tử lôi kéo vào đường nọ ngã kia.

Nếu Điện Hạ cứ cầu phước báu đó, chắc không thoát khỏi ải sanh tử luân hồi, nếu đã không khỏi luân hồi, thì chưa chắc lúc nào được tiêu diêu tự tại.

Chi bằng Điện Hạ đem công đức đó mà cầu món phước báu vô lậu, không hư không mất, đời đời kiếp kiếp vượt ra ngoài ba cõi bốn dòng, hưởng sự an vui vô cùng vô tận, và hồi hướng về đạo bồ đề mà cầu mau thành Phật quả, được cứu độ chúng sanh khỏi sông mê biển khổ. Vậy phần tự lợi đã vuông tròn, mà đức lợi tha lại đầy đủ nữa."

Bất Huyền Thái Tử nghe ông Bảo Hải khuyên nói như vậy, bèn đáp rằng: "Ta xem xét cả thấy chúng sanh trong đường địa ngục chịu sự khổ cực; còn kẻ nhân gian và người thiên thượng thì đủ điều cầu nhiễm, lắm chuyện trần lao, không có chút nào được thanh tịnh, bởi đó mà tạo thành tội nghiệp, nên mới thọ quả báo mà đoạ vào ba đường dữ là: địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh."

Bất Huyền Thái Tử đáp lại rồi tự nghĩ rằng: "Bởi chúng sanh ở trong đời không gặp được những người hiền nhân quân tử, khuyên việc lánh dữ làm lành mà đi dắt lên con đường giải thoát, chỉ gặp những kẻ tàn ác tiểu nhân cứ dụ nhau kết bạn bè, thường xúi dục những điều bất thiện, và lại phá hư chánh pháp, khinh pháp đại thừa, làm cho mất cả căn lành, thêm điều tà kiến, vì vậy mới che lấp tâm tánh, không biết đạo đức là gì, nên phải chịu nỗi đày đoạ."

Bất Huyền Thái Tử ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi thưa rằng: "Nay tôi đối trước mặt Phật và đại chúng mà tỏ lời như vậy: Tôi nguyện đem tất cả các món công đức tôi đã từng cúng dường Tam Bảo và các món công đức tôi đã từng tu tập pháp môn mà hồi hướng về đạo vô thượng bồ đề.

Tôi nguyện trong khi tôi tu những điều công hạnh bồ tát, làm những việc lợi ích cho chúng sanh, nếu tôi xem có kẻ mắc sự khốn khổ hiểm nghèo ở trong hoàn cảnh ám muội, không biết cậy nhờ ai, không biết nương dựa đâu, mà có xưng niệm danh hiệu tôi, tức thời tôi dùng phép thiên nhĩ mà lắng nghe và dùng phép thiên nhãn mà quan sát coi kẻ mắc nạn ấy ở chỗ nào, cầu khẩn việc gì, đang tôi hiện đến mà cứu độ cho khỏi khổ và được vui. Nếu chẳng được như lời thề đó thì tôi không thành Phật.

Thưa đức Thế Tôn! Nay tôi vì hết thấy chúng sanh mà phát lòng đại nguyện, tu học về pháp xuất thế, lo làm các công hạnh tự giác tự lợi, nguyện khi phụ vương tôi là Vô Trách Niệm, trải hằng sa kiếp nhân sau thành Phật, hiệu là A Di Đà Như Lai ở cõi An Lạc thế giới, hóa độ chúng sanh xong rồi, chúng nhập niết bàn, chánh pháp truyền lại, thì tôi tu hạnh làm việc Phật sự. Đến lúc chánh pháp gần diệt, hễ diệt bữa trước thì bữa sau tôi chứng đạo bồ đề.

Xin đức Thế Tôn từ bi mà thọ ký cho tôi, và tôi cũng hết lòng yêu cầu các đức Phật hiện tại ở hằng sa thế giới trong mười phương đều thọ ký cho tôi như vậy nữa."

Đức Bảo Tạng Như Lai nghe mấy lời nguyện ấy, liền thọ ký Bất Huyền Thái Tử rằng: "Người xem xét chúng sanh trong cõi thiên thượng nhân gian và trong ba đường dữ đều mắc những sự tội báo, mà sanh lòng đại bi, muốn đoạn trừ mọi sự khổ cực, dứt bỏ những điều phiền não và làm cho cả thấy đều được hưởng sự an vui.

Vì người có lòng soi xét những loại yêu cầu của loài hữu tình trong thế gian mà cứu khổ như vậy, nên nay ta đặt hiệu là: Quán Thế Âm.

Trong khi người tu hạnh bồ tát, thì giáo hóa cả vô lượng chúng sanh cho thoát khỏi sự khổ não và làm đủ mọi việc Phật sự.

Sau khi A Di Đà Như Lai nhập niết bàn rồi, thì cõi Cực Lạc lại đổi tên là: Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tự, y báo càng tốt đẹp hơn trước đến bội phần.

Chừng đó, đương lúc ban đêm, độ trong giây phút, có hiện ra đủ thức trang nghiêm, thì người sẽ ngồi trên tòa kim cương ở dưới cây bồ đề mà chứng ngôi chánh giác hiệu là: Biến Xuất Thiết Quang Minh Công Đức Sang Vương

Như Lai, phước tròn hạnh đủ, muôn sự vẻ vang, đạo pháp cao siêu, thần thông rộng lớn, rất tôn rất quý, không ai sánh bằng mà lại sống lâu đến chín mươi sáu ức na do tha kiếp, rồi khi diệt độ thì chánh pháp còn truyền bá lại đến sáu mươi ba ức kiếp nữa."

Bất Huyền Thái Tử nghe Phật Bảo Tạng thọ ký rồi, liền vui mừng mà thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu sự thề nguyện của tôi quả đáng hoàn mãn như lời ngài nói đó, thiết là hân hạnh biết bao! Nay tôi lạy ngài xin làm thế nào cho các đức Phật hiện ở hằng sa thế giới cũng đều thọ ký cho tôi và khiến cho cả thấy thế giới đều đồng thời vang ra những tiếng âm nhạc, và các kẻ chúng sanh nghe tiếng ấy đều đặn thân tâm thanh tịnh mà xa lìa mọi sự dục vọng trên đời."

Lúc Bất Huyền Thái Tử thưa rồi, đương cúi đầu lễ Phật, tức thì các thế giới tự nhiên rung động vang rền, kêu ra những tiếng hòa nhã, ai ai nghe đến cũng sanh lòng vui vẻ, làm cho các điều dục vọng bỗng nhiên tiêu tan cả.

Khi ấy, thoát nghe các đức Phật ở mười phương đồng thỉnh thọ ký cho Quán Thế Âm rằng: "Đương khi thời kiếp Thiện trụ, ở tại cõi Tán Đề Lam thế giới, nhằm lúc Phật Bảo Tạng ra đời mà giáo hóa chúng sanh, có con của vua Vô Trách Niệm, tên là Bất Huyền Thái Tử phát tâm cúng dường Phật và đại chúng trong ba tháng, do công đức đó, nên trải hằng sa kiếp sẽ thành Phật, hiệu là: Biến Xuất Nhất Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai, ở về thế giới Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Trụ."

Bất Huyền Thái Tử khi đặng chư Phật thọ ký rồi, thì lòng rất vui mừng.

Đến khi mạng chung, thì ngài thọ sanh ra các đời khác, trải kiếp nọ qua kiếp kia, hằng giữ bốn nguyện, gắng công tu hành, cầu đạo bồ đề, làm hạnh bồ tát, chăm lòng thì hành những sự lợi ích cho chúng sanh, không có khi nào mà ngài quên cái niệm đại bi đại nguyện.

Hiện nay Quán Thế Âm đã chứng được bậc đẳng giác bồ tát, ở cõi Cực Lạc mà hầu hạ đức Phật A Di Đà, hằng ngày tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương đem về cõi ấy.

Đến sau, đức Phật A Di Đà nhập niết bàn rồi, thì ngài kế ngôi Phật vị mà giáo hóa chúng sanh.

Sự tích Đại Thế Chí Bồ Tát

Đức Đại Thế Chí Bồ Tát khi chưa xuất gia học đạo, thì ngài chính là con thứ hai của vua Vô Trách Niệm tên là Ni Ma Thái Tử.

Ngài vâng lời phụ vương khuyên bảo, phát tâm cúng dường Phật Bảo Tạng và đại chúng trọn trong ba tháng.

Quan đại thần là Bảo Hải thấy vậy, bèn khuyên thỉnh rằng: "Thưa Điện Hạ! Trong sự tu phước có hai thứ: một là tu phước hữu lậu, hai là tu phước vô lậu.

Song phước hữu lậu dầu có to tát thế nào, thì chỗ cảm báo cũng chỉ ở trong cõi nhân thiên, hưởng phần khoái lạc mà thôi, chứ không thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Còn như phước vô lậu, thì chỗ kết quả ở ngoài ba cõi bốn dòng, kiếp kiếp đời đời tiêu diêu tự tại.

Vậy xin Điện Hạ nên vì tất cả chúng sanh mà cầu đặng nhất thiết trí, đem công đức ấy hồi hướng về đạo vô thượng bồ đề, thì sự phước báu không khi nào cùng tận, mà lại đặng viên mãn cái tâm nguyện nữa."

Ma Ni Thái Tử nghe quan đại thần khuyên nói rành rẽ như thế, liền chấp tay thưa với Phật Bảo Tạng rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi xin đem công đức cúng dường Phật và chúng tăng trong ba tháng, và những hạnh tu tập của tôi đã từng làm, như là:

Ba nghiệp của thân:

Không sát hại chúng sanh,

Không trộm cắp của người và

Không tà dâm.

Bốn nghiệp của miệng:

Không nói láo xược

Không nói thêu dệt

Không nói hai lưỡi

Không nói độc dữ thô tục

Ba nghiệp của ý:

Không tham nhiễm danh lợi và sắc dục

Không hờn giận oán cừu

Không si mê ám muội.

Cùng các món hạnh tu thanh tịnh của tôi, mà hồi hướng về đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác và cầu đặng một thế giới rất trang nghiêm đẹp đẽ, như cõi Phật Biến Xuất Nhất Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai, mà ngài đã thọ ký cho huynh trưởng tôi đó vậy.

Khi đức Phật ấy thành đạo, trước hết tôi ra khuyên thỉnh ngài, nói đủ pháp Tam Thừa liễu nghĩa mà hóa độ chúng sanh.

Trong khi đó, tôi cũng còn tu bồ tát đạo, làm việc Phật sự, dạy dỗ mọi người và làm những sự lợi ích cho các loài hữu tình, mà cầu mau đặng hoàn mãn các món công hạnh đã thệ nguyện.

Đến chừng Phật Biến Xuất Nhất Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai diệt độ rồi, thì tôi sẽ thành đạo, kế ngôi Phật truyền chánh pháp mà hóa độ chúng sanh.

Những sự trang nghiêm đẹp đẽ trong quốc độ tôi, cũng là thời kỳ diệt độ và kiếp sơ trụ thế của chánh pháp tôi, đều nguyện y như công cuộc ứng hóa của Đức Biến Xuất Nhất Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai vậy."

Phật Bảo Tạng nghe mấy lời của Ni Ma Thái Tử nguyện, liền thọ ký rằng: "Theo như lòng của người muốn thành tựu một thế giới rộng lớn trang nghiêm, thì qua đời vị lai, trải hằng hà sa kiếp, người sẽ được hoàn mãn các sự cầu nguyện ấy.

Vì người có lòng mong cầu một thế giới rất đẹp rất lớn như thế, nên ta đặt hiệu cho người là: Đắc Đại Thế, tức là Đại Thế Chí Bồ Tát.

Sau khi Phật Biến Xuất Nhất Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai nhập Niết Bàn rồi, người bỏ xứ làm Phật, hiệu là: Thiện Trụ Trân Bảo Như Lai, kế tiếp ra đời mà hóa độ mọi loài hàm thức."

Ni Ma Thái Tử nghe Phật Bảo Tạng thọ ký rồi liền thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu sự nguyện cầu của tôi quả đặng như lời ngài thọ ký đó, tôi xin kính lễ ngài và nhờ ngài làm sao cho các thế giới đều vang động và ở giữa hư không có rải xuống nhiều thứ hoa thơm đẹp, lại có các đức Phật ở các thế giới mười phương cũng đều thọ ký cho tôi như vậy nữa."

Ni Ma Thái Tử thưa rồi, vừa cúi lạy Phật, tức thì các thế giới mười phương, cả núi sông, cây cối, và những vật có hình chất, đều rung động ra thành tiếng vang rền khắp cả, còn giữa hư không lại có các thứ bông rất thơm tho và tốt đẹp rơi xuống như mưa.

Các đức Phật ở mười phương đều đồng tình thọ ký rằng: "Tại cõi Tán Đề Lam, có người đệ tử của Phật Bảo Tạng Như Lai tên là Ni Ma, con thứ hai của Vua Vô Trách Niệm, có phát tâm cúng dường Phật và đại chúng trọn ba tháng, đem công đức ấy mà hồi hướng về đạo vô thượng bồ đề và nguyện đặng ở cõi thế giới trang nghiêm.

Vì vậy nên trải qua hằng sa kiếp, người ấy sẽ bỏ xứ thành Phật, sau khi đức Biến Xuất Nhất Thiết Công Đức Quang Minh Sang Vương Như Lai đã nhập Niết Bàn."

Ni Ma Thái Tử nhờ Phật Bảo Tạng và các đức Phật mười phương thọ ký rồi, lòng vui mừng, hằng chăm tu tập công hạnh vô lậu mà cầu cho mau thỏa mãn những điều tâm nguyện.

Từ đó về sau, Ni Ma Thái Tử mạng chung rồi đầu thai ra thân khác, đời khác, kiếp nào cũng hằng giữ bổn nguyện, quyết chí tu hành, học đạo đại thừa, làm hạnh bồ tát, mở mang trí huệ cho chúng sanh và làm những sự nhiều ích, đặng dìu dắt các loài ra khỏi sông mê mà bước lên đường giác.

Hiện nay ngài Đại Thế Chí đương làm một vị đẳng giác bồ tát, hầu gần bên đức Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc, trợ đương Phật hóa, tiếp dẫn chúng sanh, chờ đến thời kỳ quả mãn công viên mới bồ xứ làm Phật.

Sự tích đức Văn Thù Sư Lợi

Đức Văn Thù Sư Lợi khi chưa thành đạo thì ngài là con thứ ba của vua Vô Tránh Niệm, tên là Vương Chúng Thái Tử.

Nhờ phụ vương khuyên bảo, nên ngài phát tâm cúng dường Phật Bảo Tạng và tăng chúng trọn ba tháng.

Lúc ấy, có quan đại thần là Bảo Hải thấy vậy thì khuyên rằng: "Nay Điện Hạ đã có lòng làm sự phước đức, tạo nghiệp thanh tịnh, nên vì hết thấy chúng sanh mà cầu đẳng các món trí huệ, và đem công đức ấy hồi hướng về đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì tốt hơn là mong cầu mọi sự phước báu nhỏ nhen."

Vương Chúng Thái Tử nghe quan đại thần khuyên như vậy, thì liền chấp tay mà thưa với Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Công đức tôi cúng dường Phật tăng và những hạnh nghiệp tu tập thanh tịnh của tôi đó, nay xin hồi hướng về đạo vô thượng bồ đề, nguyện trái hăng sa kiếp tu hạnh bồ tát, đẳng hóa độ chúng sanh, chớ tôi chẳng vì lợi ích một mình mà cầu mau chứng đạo quả."

1. Tôi nguyện hóa độ hết thấy mọi loài chúng sanh ở các thế giới trong mười phương đều phát tâm cầu đạo vô thượng chánh giác, giữ gìn tâm bồ đề cho bền chắc, và khuyên hóa theo môn lục độ là: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Tôi nguyện giáo hóa vô số chúng sanh ở các thế giới đều đẳng thành Phật thuyết pháp trước tôi, và trong khi thuyết pháp, làm sao cho tôi đều xem thấy tất cả.

2. Tôi nguyện trong khi tu bồ tát đạo, làm được vô lượng việc Phật, và sanh ra đời nào cũng tu theo đạo ấy cả.

Bao nhiêu chúng sanh của tôi dạy dỗ đều đẳng thanh tịnh, như các người đã có tu phép thiền định ở cõi phạm thiên, tâm ý không còn điên đảo. Nếu đẳng các kẻ chúng sanh như vậy sanh về cõi tôi, thì khi ấy tôi mới thành đạo.

3. Tôi nguyện đem các món hạnh nguyện mà cầu đẳng cõi Phật trang nghiêm và nguyện hết thấy các cõi Phật đều hiệp chung lại thành một thế giới của tôi.

4. Đường giới hạn xung quanh trong cõi ấy đều dùng những chất: Vàng, bạc, ngọc lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu và mã não, mà xây đắp cho cao lên đến cõi phạm thiên, còn mặt đất thì toàn là ngọc lưu ly tất cả.

5. Trong cõi ấy không có các món đất, cát, bụi bặm, chông gai, dơ dáy, và không có những sự cảm xúc, thô ác, và xấu xa, cũng không có những người đàn bà và tên hiệu của người đàn bà.

6. Hết thấy chúng sanh đều hóa sanh, chớ không phải bào thai trong bụng mẹ như các cõi khác, và hằng tu tập các pháp thiền định, vui đẹp tự nhiên, chớ không cần phải ăn uống những đồ vật chất.

7. Trong cõi tôi không có người tiểu thừa, thanh văn và duyên giác. Thấy đều là các bậc bồ tát, căn tánh cao thượng, tâm trí sáng suốt, người nào cũng đã xa lìa mọi sự tham lam, hờn giận, ngu si, và đã tu đẳng các môn phạm hạnh cả.

8. Trong khi chúng sanh sanh về cõi tôi, thì tự nhiên đủ tướng mạo tỳ kheo, đều có cạo tóc và đắp y một cách chỉnh đốn cả.

9. Chúng sanh trong cõi tôi muốn ăn, thì tự nhiên có bình bát thất bảo cảm ở nơi tay và đủ các món đồ ăn ngon đẹp đầy bát. Khi ấy lại nghĩ rằng: Chúng ta chớ nên dùng những đồ này, nguyện đem bố thí, trước hết dâng cúng cho các đức Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, và Duyên Giác, sau nữa thì chúng sanh nghèo hèn và các loài ngạ quỷ đói khát đều dùng no đủ. Còn phần chúng ta thì nên tu pháp thiền định, hưởng sự vui đẹp tức là món ăn.

10. Mọi người suy nghĩ như vậy, liền đẳng pháp tam muội, gọi là Bất Khả Tư Nghị Hạnh, có sức thần thông, dạo đi tự tại, không có sự gì ngăn ngại tất cả. Độ trong giây phút, mọi người dạo khắp thế giới mà cúng dường Phật, bố thí và diễn thuyết các pháp cho chúng sanh nghe rồi trở về nước thì vừa đúng bữa ăn.

11. Tôi nguyện trong thế giới của tôi không có tám món chướng nạn và các sự khổ não, và cũng không có những người phá hư giới luật.

12. Tôi nguyện trong thế giới ấy có nhiều món châu báu rất lạ lùng và không cần gì phải dùng đến ánh sáng của mặt trời và mặt trăng. Các vị bồ tát tự nhiên xung quanh thân thể có hào quang sáng chói, soi khắp các nơi, thường chiếu luôn không có ngày đêm, chỉ xem lúc nào bỗng nở thì cho là ban ngày, lúc nào bỗng xếp lại cho là ban đêm mà thôi. Còn khí hậu thường điều hòa, không nóng quá cũng không lạnh quá.

13. Nếu các vị bồ tát nào bỏ xứ làm Phật các cõi khác, thì trước hết ở nơi cõi tôi, rồi đến cung trời Đâu Suất, sau mới giáng sinh đến cõi ấy.

14. Tôi nguyện hóa độ chúng sanh đều thành Phật hết rồi, tôi mới hiện lên trên hư không mà nhập diệt.

15. Trong lúc tôi nhập diệt, thì có nhiều món âm nhạc tự nhiên kêu vang đủ pháp mầu nhiệm và các vị bồ tát nghe đều tỏ ngộ các lẽ huyền diệu.

16. Thưa đức Thế Tôn! Tôi nguyện khi làm bồ tát mà dạo trong các cõi Phật, xem thấy những thức trang nghiêm, những châu báu, những hình trạng, những xứ sở, và những hạnh nguyện của chư Phật, thì tôi đều cầu đẳng thành tựu tất cả.

17. Tôi nguyện các vị đẳng giác bồ tát đều ở trong cõi tôi mà đợi đến thời kỳ bỏ xứ làm Phật, chớ không thọ sanh các cõi nào khác nữa. Nếu các vị nào muốn đến cõi khác thành Phật mà hóa độ chúng sanh, thì tùy theo ý nguyện.

18. Thưa đức Thế Tôn! Trong khi tôi tu đạo bồ tát, nguyện đẳng cõi Phật rất tốt đẹp nhiệm mầu. Các vị bồ tát phát bồ đề tâm, tu bồ tát hạnh, mà đẳng bậc bỏ xứ thành Phật, đều sanh về trong cõi tôi cả.

19. Thưa đức Thế Tôn! Tôi nguyện đẳng như vậy, tôi mới thành Phật, và nguyện ngồi khoanh chân trên tọa kim cang ở dưới cây bồ đề, trong giây lát chứng thành chánh giác.

20. Khi thành Phật rồi, tôi biến hoá ra các vị hóa Phật và các vị bồ tát, nhiều như số các sông Hằng, đặng đạo các thế giới mà hóa độ chúng sanh, giảng dạy các pháp nhiệm mầu và khiến cho hết thầy nghe pháp rồi đều phát bồ đề tâm, cho đến khi thành đạo cũng không đổi dời tâm trí.

21. Khi tôi thành Phật rồi, chúng sanh ở trong các cõi nếu thấy đặng tướng tốt của tôi, hằng in nhớ trong tâm luôn luôn, cho đến khi thành đạo cũng không quên.

22. Tôi nguyện chúng sanh trong cõi tôi, người nào cũng đủ căn thân toàn vẹn, không hư thiếu món gì. Nếu các vị bồ tát muốn xem thấy tướng tôi, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, thì đều thấy đặng cả. Khi thấy rồi, liền phát bồ đề tâm, và lại trong lúc thấy tôi, những sự hoài nghi về đạo pháp tự nhiên hiểu biết đặng cả, không cần đợi tôi giải thuyết nữa.

23. Tôi nguyện khi tôi thành Phật rồi, thì tôi đặng thọ mạng vô cùng vô tận, không kể xiết. Còn các vị bồ tát trong cõi tôi cũng đặng sống lâu như vậy.

24. Trong lúc tôi thành Phật, có vô số bồ tát đủ tướng mạo tỳ kheo, người nào cũng cạo đầu, đắp y, cho đến khi nhập niết bàn thì những tóc không khi nào để mọc dài, và những y cũng không khi nào đổi bận như đồ người thế tục."

Đức Bảo Tạng Như Lai nghe mấy lời nguyện rồi, liền thọ ký cho Vương Chúng Thái Tử rằng: "Hay thay! Hay thay! Người là người đại tượng phu, trí tuệ sáng suốt, tỏ biết mọi lẽ, phát nguyện rất lớn và rất khó khăn, làm những việc công đức rất rộng sâu, không thể nghĩ bàn đặng. Chính người là bậc trí huệ nhiệm mầu, mới làm đặng mọi sự như vậy.

Bởi người vì hết thầy chúng sanh mà phát thệ nguyện rất nặng lớn và cầu đặng cõi Phật rất trang nghiêm như thế, nên ta đặt hiệu cho người là: Văn Thù Sư Lợi. Trải vô lượng hằng sa số kiếp về sau, người sẽ thành Phật hiệu là: Phổ Hiền Như Lai ở thế giới rất đẹp đẽ, tên là Thanh Tịnh Vô Cấu Bảo Chi, thuộc về bên phương Nam.

Tất cả mọi sự trang nghiêm của người ước ao thầy đều thỏa mãn.

Này Văn Thù Sư Lợi, từ rày sắp về sau, trải hằng sa kiếp, người tu bồ tát đạo, trồng các căn lành, và tâm trí thanh tịnh. Người hằng vì chúng sanh mà giáo hóa cho chúng nó đều dẹp trừ được các món tâm bệnh, vậy nên chúng nó đều xưng người là một ông thầy thuốc hay, có một món thuốc thần để chữa lành được bệnh phiền não."

Vương Chúng Thái Tử thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu sự thệ nguyện của tôi đặng như lời ngài thọ ký đó, thì tôi xin cả thế giới đều vang động và các đức Phật mười phương đều thọ ký cho tôi nữa."

Vương Chúng Thái Tử thưa rồi, đương cúi đầu lễ Phật, tự nhiên giữa hư không có các thứ tiếng âm nhạc vang rền diễn ra các pháp mầu nhiệm, và có các thứ bông tươi tốt thơm tho rải xuống như mưa.

Các vị bồ tát ở các thế giới khác xem thấy như vậy, liền hỏi các đức Phật rằng: "Do nhân duyên gì mà có điềm lành như thế?"

Các đức Phật nói rằng: "Nay chư Phật ở mười phương đều thọ ký cho Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát sau sẽ thành Phật, nên hiện ra điềm lành ấy."

Vương Chúng Thái Tử thấy vậy, lòng rất vui mừng, liền đánh lễ Phật, rồi ngồi nghe thuyết pháp.

Từ đó về sau, Vương Chúng Thái Tử mạng chung, sanh ra các thân khác và đời khác, kiếp nào cũng giữ gìn bản thệ, quyết chí tu hành, học đạo đại thừa, làm hạnh bồ tát, hóa độ chúng sanh đều thành Phật đạo, mà cầu cho thỏa mãn những sự cầu nguyện của mình.

Sự tích đức Phổ Hiền Như Lai

Khi đức Phổ Hiền Bồ Tát chưa xuất gia học đạo, còn làm con thứ tư của vua Vô Trách Niệm, tên là Năng Đà Nô.

Nhờ phụ vương khuyên bảo, nên thái tử mới phát tâm cúng dường Phật Bảo Tạng và chúng sanh trong ba tháng.

Lúc ấy có quan đại thần Bảo Hải thấy vậy, khuyên rằng: "Nay Điện Hạ có lòng làm đặng món công đức rất tốt như thế, xin hãy hồi hướng về đạo vô thượng bồ đề, mà cầu đặng thành Phật, hơn là cầu sự phước báu hữu lậu nơi cõi nhân thiên, vì cõi ấy còn ở trong vòng sinh tử."

Năng Đà Nô Thái Tử nghe quan đại thần khuyên bảo như vậy, liền thưa với Phật Bảo Tạng rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi có món công đức cúng dường ngài và đại chúng trong ba tháng, xin hồi hướng về đạo vô thượng chánh giác, nguyện phát tâm bồ đề, tu hạnh bồ tát mà giáo hóa mọi loài chúng sanh, đặng thành Phật đạo, và nguyện đặng cõi Phật rất thanh tịnh trang nghiêm, bao nhiêu những sự tốt đẹp và sự giáo hóa chúng sanh đều y như thế giới của đức Phổ Hiền Như Lai vậy."

Đức Bảo Tạng Như Lai nghe Năng Đà Nô Thái Tử phát nguyện như thế, liền thọ ký rằng: "Hay thay! Hay thay! Người phát thệ nguyện rộng lớn, muốn độ hết thảy chúng sanh đều thành Phật đạo. Trong khi tu Bồ Tát đạo, dùng trí kim cang mà phá nát các núi phiền não của mọi loài chúng sanh, vì vậy nên ta đặt hiệu người là: Kim Cang Trí Huệ Quang Minh Công Đức, trải hằng sa kiếp làm nhiều công việc Phật sự rất lớn, rồi đến thế giới Bất Huyền ở phương Đông mà thành Phật, hiệu là Phổ Hiền Như Lai, chừng đó những sự tốt đẹp trang nghiêm của người đã cầu nguyện thảy đều thỏa mãn."

Khi đức Bảo Tạng Như Lai thọ ký rồi, tự nhiên giữa hư không có nhiều vị thiên tử ở các cõi trời đem đủ thứ bông thơm đẹp đến mà cúng dường và đồng thanh khen ngợi.

Năng Đà Nô Thái Tử thưa với Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu những sự ao ước của tôi ngày sau quả nhiên đặng như lời ngài thọ ký, nay tôi kính lễ ngài và chư Phật mà xin làm sao hằng sa thế giới có đủ món hương rất tốt rất thơm, mùi bay khắp trong các cõi, và mọi chúng sanh, hoặc ở trong địa ngục, ngạ quỷ cùng súc sanh, cho đến các người ở cõi thiên thượng nhân gian, đương mắc phải nghiệp báo gì, nếu người đặng món hương thơm ấy, tức thì đều đặng rảnh khổ và lại hưởng sự an vui."

Năng Đà Nô Thái Tử thưa rồi, đương cúi đầu mà lễ Phật, thì trong các thế giới mười phương tự nhiên có mười hương thơm bay khắp cả. Lúc đó mọi loài chúng sanh ngửi đặng mùi hương ấy, lòng dạ hớn hở, các bệnh phiền não thảy đều tiêu trừ. Năng Đà Nô Thái Tử nhờ Phật thọ ký như vậy, thân tâm vui mừng, bèn đánh lễ Phật, rồi ngồi xuống nghe ngài thuyết pháp.

Năng Đà Nô Thái Tử nhờ công đức đó, nên sau khi mạng chung, sanh ra các thân khác và các đời khác, kiếp nào cũng nhớ lời thệ nguyện mà chăm làm các việc Phật sự và hóa độ chúng sanh, đặng cầu cho mau viên mãn những sự của mình đã ao ước.

Bởi ngài có lòng tu hành tinh tấn như vậy, nên nay đã thành Phật, ở cõi Bất Huyền, và hóa thân vô số ở trong các thế giới mà giáo hóa chúng sanh.

Sự tích đức Địa Tạng Bồ Tát

Đức Địa Tạng Bồ Tát là một vị đã chứng bậc đẳng giác trải đến vô lượng a tăng kỳ kiếp rồi.

Ngài có lời đại nguyện rằng: Nếu ngài chưa độ hết chúng sanh, thì ngài không chứng quả Bồ Đề, và nếu sự thọ khổ trong địa ngục hãy còn, thì ngài sẽ không chịu thành Phật.

Do cái bốn nguyện ấy, nên ngài phân thân nhiều phen, đặng độ thoát hằng hà sa số chúng sanh đương tội khổ, trải đã không biết bao nhiêu kiếp rồi, mà ngài cũng còn làm một vị Bồ Tát như vậy.

Còn như nói đến tiền thân của ngài từ khi chưa chứng quả vị, có kiếp ngài làm con gái, có kiếp thì ngài làm con trai, và cũng có kiếp ngài làm vua nữa.

Nay y theo Kinh Địa Tạng của Phật Thích Ca nói tại cung trời Đao Lợi rất có chứng cứ rõ ràng, mà lược diễn một sự tích, khi ngài làm con gái dòng Bà la môn như dưới này.

Hồi đời quá khứ, tại kiếp bất khả tư nghị a tăng kỳ, có đức Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương ra đời.

Sau Phật ấy nhập diệt rồi, đến thời kỳ tượng pháp thì ngài Địa Tạng lúc ấy chưa chứng vị Bồ Tát, sanh làm con gái dòng Bà la môn.

Vì nàng có túc phước rất nhiều, nên hết thảy mỗi người trong hàng thân thích đều tôn trọng cung kính, cho đến khi đi đứng nằm ngồi, cũng đều có hàng chư thiên ủng hộ.

Ngặt vì thân mẫu của nàng tin theo ngoại đạo, nên thường đem lòng tà niệm mà khinh khi Tam Bảo, đã không tin nhân quả nghiệp báo, mà lại còn chê bai chánh pháp nữa.

Khi đó nàng đã biết mẹ mình không tin Phật pháp, thế nào đến khi thác rồi cũng phải trầm luân nơi khổ ải, nên nàng mới hết lòng khuyên can, sớm tối kiếm nhiều lời, phương tiện mà giảng nói, muốn làm sao cho mẹ mình tin ngưỡng theo chánh giáo, thì mới đành lòng.

Song khuyên thì khuyên, can thì can, mà thân mẫu của nàng ác nghiệp đã đầy đầy và tin tâm lại cạn cạn, nên chẳng có chút gì tin theo.

Ồi chẳng bao lâu bà đã nhuộm bệnh trầm kha, bỗng chốc hóa ra người thiên cổ. Vì lúc sanh tiền ác nghiệp đã thành thực, nên chỉ thần hồn phải theo nghiệp quả mà đoạ lạc vào vô gián địa ngục.

Còn phần nàng, một nỗi thì thương mẹ cách biệt, dậm đất kêu trời, một nỗi thì sợ mẹ trầm luân, kinh hồn hải vía, ngổn ngang trăm mối bên lòng, ăn không ngon, nằm không ngủ, đêm ngày than khóc, ngàn thảm muôn sầu. Tưởng trong cảnh huống ấy, nếu có phương gì mà cứu mẹ được, dầu thịt nát xương mòn nàng cũng không hề tiếc, huống chi nói đến sự gì. Khi ấy nàng mới bán hết những đồ quý báu đem đến chùa Phật mà dâng cúng.

Lúc nàng vào chùa lễ lạy, xem thấy hình tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai sơn vẽ trang hoàng, oai dung nghiêm chỉnh, dường như một vị Phật sống thì trong lòng nàng lại bội phần kính ngưỡng.

Nàng lễ bái rồi tự nghĩ rằng: "Phật là bậc đại giác, đủ trí sáng suốt và hiểu thấu các lẽ, nếu được Phật còn tại thế, thì trong lúc mẹ ta chết rồi, thì có phạm tội gì và sanh về đường nào, ắt nhờ Phật từ bi chỉ bảo cho ta biết đặng, có đến nỗi đâu mà thảm như thế này!"

Nàng nghĩ như vậy rồi, cứ đứng nhìn sừng tượng Phật mà khóc, không chịu bước ra, dường có vẻ muốn tỏ lòng cầu khẩn với Phật mà mong Phật chỉ bảo chỗ thọ khổ của mẹ mình và nhờ ơn cứu độ.

Vừa một chập lâu, thoát nghe giữa thỉnh không có tiếng gọi rằng: "Nàng thánh nữ kia! Thôi đừng buồn rầu khóc lóc nữa, để ta chỉ chỗ thác sanh của mẹ ngươi cho ngươi biết."

Nàng nghe nói như vậy, liền chấp tay ngửa mặt lên hư không mà bạch rằng: "Từ khi mẹ tôi mất đến nay, ngày đêm thương nhớ, không biết hỏi han ai cho rõ chỗ thác sanh của mẹ tôi, nay không biết đức thánh thần chi mà có lòng đoái thương đến tôi như vậy."

Lúc nàng nói vừa rồi, giữa thanh không lại có tiếng trả lời rằng: "Ta đây là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà ngươi cúng dường lễ bái đó! Vì thấy ngươi có lòng thương nhớ mẹ rất tha thiết, thiết là chí hiếu hơn hạng chúng sanh thường tình, nên ta đến đây mà chỉ bảo."

Nàng nghe mấy lời Phật nói như thế, thì lòng thiết tha muốn biết rõ tin của mẹ thác sanh về chỗ nào, nên không kể đến thân mình, liền gieo mình xuống đất, tay chân bủn rủn, chết điếng một hồi.

May đâu có những người ở hai bên xóm lại đỡ dậy, nên nàng mới hồi tỉnh lại, rồi bạch với giữa thanh không rằng: "Cúi xin Phật đem lòng từ bi thương xót mà chỉ dùm chỗ thác sanh của mẹ tôi cho mau, chứ tôi đây hình mòn tâm khổ chẳng bao lâu phải chết."

Khi ấy đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mới nói với nàng rằng: "Ngươi cúng dường và lễ bái xong rồi, mau mau sớm trở về nhà, ngồi ngay thẳng và yên lặng mà nghĩ danh hiệu của ta, tự nhiên biết được xứ sở của mẹ ngươi thác sanh."

Nàng lễ Phật vừa xong, liền trở về nhà cứ y theo lời Phật dạy, nàng ngồi yên lặng một chỗ, niệm danh hiệu của Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai một ngày một đêm. Thình lình nàng thần mộng đi đến một chỗ bờ biển kia, nước cuộn cuộn sôi trào, ba đào sóng bủa, lại thấy nhiều giống ác thú, cả mình bằng sắt, nhảy nhót bơi chạy trên mặt biển, không biết là bao nhiêu, lại thấy những đàn ông và đàn bà, kể hơn trăm ngàn, lặn xuống trôi lên ở trên ấy, thấy đều bị những thú dữ kia dành giết bấu xé mà ăn thịt.

Còn quỉ dạ xoa thì hình thù khác nhau, hoặc có thứ nhiều tay nhiều chân, hoặc có thứ nhiều con mắt nhiều đầu, hoặc có thứ nanh bén nhọn như gươm mọc ló ra ngoài miệng, thấy đều áp lại lừa dối những bọn tội nhân đến gần cho thú dữ kia ăn thịt. Thiết cái thảm trạng ấy không dám xem cho lâu!

Nhưng nàng nhờ có sức niệm Phật, nên tâm vẫn thanh tịnh, tự nhiên không có chút lo sợ hãi cả. Xảy ra đâu có một quỷ vương, tên là Vô Độc, thấy hình tướng nàng chẳng phải người phàm, oai nghi không giống kẻ tục, bèn đến trước mặt nàng cúi đầu nghinh tiếp mà bạch rằng: "Dám hỏi đức Bồ Tát vì duyên cớ chi mà đi tới đây?"

Nàng lại hỏi quỷ vương rằng: "Chỗ này kêu là xứ gì?"

Quỷ Vô Độc đáp rằng: "Đây là biển nghiệp thứ nhất, về phía Tây núi Thiết Vi."

Nàng nghe nói liền bảo rằng: "Ta nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục ở chính giữa, việc ấy quả như vậy hay không?"

Quỷ Vô Độc đáp rằng: "Thiết có địa ngục, chứ không phải huyễn hoặc đâu!"

Nàng nghe rồi bèn khởi lòng kính nghi mà hỏi nữa rằng: "Địa ngục là nơi để giam nhốt những người có tội, còn ta đây có lòng kính ngôi Tam Bảo, mà duyên cớ gì cũng đi đến chỗ ấy như vậy?"

Quỷ Vô Độc đáp rằng: "Phàm người đi đến đây có hai cách: Một là có oai đức thần thông, đến cứu độ cho mấy người tội khổ, hay là đến chơi cho biết, hai là mấy người tội ác đã thành thực, phải đi tới đây mà chịu khổ. Nếu trừ hai lẽ ấy ra, thì không thể đến đây được."

Nàng lại hỏi nữa rằng: "Nước biển này duyên cớ sao mà lại sôi trào lên hoài, còn ở trong thì có nhiều tội nhân lặn lên hụp xuống, lại bị các loài thú dữ xâu xé ăn thịt như thế!"

Quỷ Vô Độc đáp rằng: "Đây là chỗ nhốt những kẻ chúng sanh tạo ác ở cõi Diêm Phù Đề, nên khi chết rồi, trải qua 49 ngày, không ai kể tự, lo làm việc công đức đặng cứu vớt vong linh bị khổ nạn. Còn những người đã chết đó, lúc sanh tiền lại không có chút mây gì là điều phước thiện, vì vậy nên cứ theo bốn nghiệp của mình mà chiêu cảm lấy cái khổ báo ở nơi địa ngục tự nhiên trước hết phải đọa tới đây."

Ở bên phía Đông biển này, cách chừng mười vạn do tuần lại có một cái biển nữa, sự đày đọa của chúng sanh bị vào đó còn khổ hơn đây đến bội phần. Còn bên mé Đông biển kia, lại có một cái biển khác, sự thảm trạng thống thiết không thể kể xiết!

Những hạng người thọ khổ là do bình nhật ở thế gian tạo những nghiệp ác mà phải cảm lấy sự tội báo như vậy, nên ba cái biển đó đều gọi là biển nghiệp."

Nàng lại hỏi quỷ Vô Độc rằng: "Sao đây chỉ thấy có biển nghiệp mà thôi, còn địa ngục lại ở chỗ nào đâu?"

Quỷ Vô Độc đáp rằng: "Ở giữa ba cái biển ấy là chỗ địa ngục. Nếu kể số riêng ra thì nhiều đến trăm ngàn mà sự thọ khổ đều mỗi mỗi khác nhau, như nói về phần ngục lớn thì có 18 chỗ, còn nói về phần ngục trung thì có năm trăm chỗ và lại có ngàn trăm chỗ ngục nhỏ nữa. Sự khổ độc trong mấy chỗ ngục đó không biết bao nhiêu mà kể cho xiết đặng!"

Nàng lại hỏi quỷ vương rằng: "Mẹ ta khi chết đến nay tuy chưa bao lâu mà chẳng biết thần hồn đã đi đến chỗ nào?"

Quỷ vương lại hỏi nàng rằng: "Chẳng hay mẹ của Bồ tát, lúc sanh tiền làm những nghiệp gì, xin tỏ cho tôi rõ."

Nàng đáp rằng: "Mẹ ta trước bị nhiễm theo tà kiến, chê bai ngôi Tam Bảo, gửi lòng không thương, lập tánh không định, dẫu có nghe lời khuyên can mà tạm tín, rồi cũng trở lại hủy báng nữa. Nay chết tuy chưa bao lâu, ắt có lẽ theo ác nghiệp ấy mà đọa vào khổ thú, nên ta muốn tìm cho biết chỗ sanh xứ của mẹ ta, nhưng không hiểu ở nơi nào."

Quỷ Vô Độc hỏi rằng: "Vậy chớ mẹ của Bồ tát tên họ là chi?"

Nàng đáp rằng: "Cha tên là Thi La Thiện Hiện, còn mẹ hiệu là Duyệt Đề Lợi, đều là dòng dõi Bà la môn cả."

Quỷ Vô Độc nghe rồi, lật đật chấp tay mà bạch với nàng rằng: "Xin thánh giả trở về bốn xứ, chẳng nên thương nhớ linh thân mẫu mà buồn rầu làm cho hao mòn quý thể. Số là Duyệt Đề Lợi đã khỏi sự khổ ở chốn địa ngục này mà sanh lên cõi trời cách nay đã ba ngày rồi. Nguyên bà nhờ có người con hết lòng thảo thuận, lập đàn tràng tu phước và cúng dường nơi tháp tự của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, nên mới cảm đến Phật Thánh mà được sanh về cõi trời như vậy."

Chẳng những thân mẫu của Bồ tát nhờ phước đó mà thoát khỏi chỗ Vô Gián địa ngục, đặng sanh lên cõi trời mà thôi, cho đến những người đồng thọ tội ở đó cũng nhờ duyên phước ấy mà đều đặng an vui mà đồng sanh về cõi thiên đàng trong ngày đó nữa."

Quỷ vương nói rồi, liền chấp tay tỏ vẻ cung kính mà xin lui.

Còn nàng thì trong lúc ấy, dường như chiêm bao tỉnh giấc, mới rõ biết việc này là nhờ Phật lực làm cho thân mình được đi tới chỗ thác sanh của mẹ như vậy. Nên nàng cảm ơn Phật, lập tức đến trước bốn tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà phát lời thệ nguyện lớn rằng: "Nay tôi nguyện cho đến kiếp vị lai nếu có chúng sanh nào tạo tội mà chịu khổ ở nơi địa ngục, bất luận là kẻ thân thuộc hay người cừ oán, tội lập ra nhiều pháp môn phương tiện mà cứu độ cho đều được phân giải thoát tất cả."

Hồi đời quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, có đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục ra đời.

Sau Phật diệt rồi, đến thời kỳ tượng pháp, thì ngài Địa Tạng chưa chứng vị Bồ Tát, sanh làm người con gái tên là Quang Mục.

Khi mẹ nàng từ trần, thì nàng ngày đêm lo sợ, không biết mẹ có thoát khỏi tội khổ hay không.

Có một bữa kia, nàng gặp một thầy Tỳ kheo đương khát thực, mà thầy ấy chính là một vị La hán đi giáo hóa chúng sanh. Nàng bèn sắm đủ các món đồ ăn ngon quý, rồi mời vị La hán ấy vào nhà mà cúng dường.

Khi ngài thọ thực rồi, bèn hỏi rằng: "Người muốn cầu nguyện việc chi hay không?"

Nàng thưa rằng: "Bạch ngài! Bởi vì ngày mẹ tôi mất đến nay, tôi buồn rầu thương nhớ bội phần, nghĩ đến ơn nhũ bộ, đức sanh thành, thì ngàn kiếp muôn đời tôi cũng không quên đặng, nên tôi nguyện làm việc tư phước này đặng cầu siêu vong linh cho mẹ tôi nơi chín suối. Nhưng bốn phận tôi là người phạm mất thịt, không biết mẹ tôi thác sanh về chỗ nào. Vậy xin ngài từ bi chỉ bảo cho tôi biết."

Vị La hán thấy nàng Quang Mục tuổi nhỏ mà có lòng hiểu đạo như vậy, bèn nhập định thấy mẹ nàng bị đọa vào chỗ ác thú mà chịu nhiều nỗi thống khổ rất nặng nề.

Khi ngài xuất định rồi, liền hỏi nàng rằng: "Vậy chớ lúc còn sanh tiền ở trên dương thế, mẹ ngươi làm những việc chi, đến nỗi nay lại bị hiện báo ngay ở chỗ ác thú mà chịu hình phạt lớn lao như thế?"

Nàng nghe nói khôn xiết nỗi buồn rầu, liền khóc òa một hồi rồi thưa rằng: "Bạch ngài! Số là bình nhật sở hảo của mẹ tôi chỉ thích ăn loài cá trạch, mà lại còn ưa ăn những trứng của nó, hoặc chiên xào, hoặc nấu nướng, không biết ngàn vạn nào mà kể xiết. Thường cái nghiệp sát sanh của mẹ tôi đó cũng đã quá nặng, vậy xin ngài đem lòng từ bi thương xót đến kẻ thơ ấu này làm thế nào cứu vớt mẹ tôi đặng thoát khỏi nơi khổ thú, thì ơn đức ấy vô lượng vô biên."

Vị La hán thấy tấm lòng chân thiết của nàng yêu cầu khẩn thiết như vậy, liền dùng cơ phương tiện mà khuyên nhủ nàng rằng: "Ngươi nên chí thành xưng niệm danh hiệu của Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục, và phát tâm đắp vẽ sơn thếp hình tượng của Phật mà thờ, thì ngày sau nhờ cái công đức đó mà kẻ còn sống đặng thêm sự lợi ích, và người mất rồi lại khỏi sự khổ nạn, hai đàng đều nhờ phần phước báu tất cả."

Khi nàng Quang Mục nghe lời của vị La hán nói trên, nàng dẫu bỏ thân mạng cũng không tiếc, huống chi là sự gì. Nên nàng liền bán hết thảy những đồ nữ trang và có bao nhiêu tiền của cũng đem ra mua sắm tạo tượng Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục và mua vàng sơn thếp mà cúng dường như tỏ dấu yêu cầu đến Phật, đặng nhờ ƠN CỨU ĐỘ cho từ thân.

Có một đêm kia, ước chừng lúc canh ba, nàng vừa mơ màng giấc điệp, bỗng thấy thân Phật hiện ra sắc vàng rực rỡ, lại có hào quang sáng chói mà tỏ cho nàng biết rằng: "Mẹ ngươi chẳng bao lâu rồi cũng thác sanh vào nhà người, hễ vừa biết sự đói lạnh thì nói liền, khi đó người sẽ rõ."

Nàng Quang Mục tỉnh giấc dậy, thì biết là điềm linh ứng của Phật mách bảo, nhưng chưa hiểu cách thác sanh làm sao, nên luống những ưu sầu mà trông đợi.

Cách ít lâu, người tớ gái của nàng sanh được một đứa con, chưa đầy ba ngày mà đã biết nói.

Có một bữa nọ, đứa nhỏ thấy nàng Quang Mục liền cúi đầu mà khóc lóc rất thảm thiết, rồi nói rằng: "Đường sanh nẻo tử, mỗi nghiệp dây duyên, nếu đã tạo tội thì tất phải chịu lấy quả báo, chớ không thể tránh được. Ta đây vốn thiết là mẹ ngươi khi trước. Từ lúc vĩnh biệt đến nay, ta bị đọa vào địa ngục, chịu nỗi đắng cay, may nhờ phước lực của ngươi, nên ta mới được đầu thai lên đây. Nhưng vì tội báo còn nặng nên ta phải sanh làm thân hèn hạ như thế này. Đã vậy mà lại không thọ, ta chỉ sống được mười ba tuổi mà thôi, rồi lại phải chết vì bị đọa vào ác đạo nữa. Bây giờ ngươi nghĩ có cách gì làm cho ta ngày sau thoát khỏi ấy đặng hay không?"

Nàng nghe nói đầu đuôi tự sự, hiệp với lời của Phật mách bảo trong điềm chiêm bao, thì biết là thiết mẹ của mình, nàng động mối thương tâm, tơ sầu vắn vít, giọt lệ chứa chan, mà thưa với đứa nhỏ ấy rằng: "Nếu quả là mẹ tôi, thì chắc biết đặng những sự tội lỗi lúc sanh tiền làm hạnh nghiệp gì mà phải đọa vào ác đạo như vậy? Xin tỏ hết cho tôi làm tin."

Đức nhỏ bèn nói rằng: "Bởi ta ngày trước phạm vào hai nghiệp tội: một là sát sanh và hai là hay mắng người, nên phải đọa vào địa ngục mà chịu nỗi khổ báo như vậy. Nếu không nhờ phước lực của ngươi niệm Phật và đắp vẽ hình tượng của ngài mà thờ, đặng cầu cứu vớt cho ta, thì tưởng không phương gì mà ta mong phần giải thoát cho đặng."

Nàng lại hỏi nữa rằng: "Vậy chớ những sự tội báo ở nơi địa ngục ra thế nào?"

Đứa nhỏ nói rằng: "Ồi sự thống khổ ấy không nỡ nói ra, mà đã nói thì cũng không biết chừng nào cho hết chuyện."

Nàng nghe mấy lời ấy liền khóc òa, rồi ngửa mặt lên hư không mà bạch rằng: "Tôi nguyện với chư Phật xin đem lòng đại bi mà cứu cho mẹ tôi dời khỏi đọa vào địa ngục, và từ nay cho mẹ tôi khỏi phạm tội nặng mà sa vào đường ác đạo khác nữa."

Nàng bèn ra quỳ trước bàn thờ đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục mà nguyện rằng: "Nay tôi vái cùng mười phương chư Phật, xin từ bi thương xót mà chứng minh cho mấy lời thệ nguyện của tôi ở giữa này. Nếu mẹ tôi dời khỏi ba đường dữ cùng khỏi làm người hèn hạ, và đến kiếp nào kiếp nấy cũng khỏi đầu thai làm thân con gái nữa, thì từ đó tôi đối trước tượng Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục đây cho đến trăm ngàn muôn ức kiếp về sau, hễ thế giới nào có chúng sanh bị các tội khổ ở trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, thì tôi thệ nguyện ra sức cứu vớt cả thảy khỏi sự thống khổ nơi ba đường ấy và chừng người nào người nấy đều đặng thành Phật tất cả, tôi mới chịu chứng bậc chánh giác."

Khi nàng phát thệ nguyện vừa rồi, bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: "Nàng Quang Mục! Ngươi có lòng từ bi lân mẫn rất lớn, biết vì mẹ mà phát lời đại nguyện như thế, nay ta là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục, chờ mẹ ngươi mãi đến khi 13 tuổi, được thác sanh làm người Phạm Chí, hưởng thọ đến trăm tuổi, rồi sau lại được sanh về cõi Vô Ưu, hết sự lo phiền, đủ điều khoái lạc, lại sống lâu đến đời đời kiếp kiếp, và sau được thành Phật quả mà cứu độ tất cả chúng sanh ở cõi nhân gian và thiên thượng, nhiều như số cát sông Hằng."

Nàng nghe đủ mọi điều tiên chúc của Phật tử bày, thì lấy làm vui mừng khôn xiết, liền lễ lạy mà cảm ơn đức ngài.

Từ đó về sau nàng nuôi dưỡng và săn sóc đức con nít ấy kỹ càng và khi đến 13 tuổi nó chết, nàng thương xót và chôn cất một cách tử tế như mẹ vậy.

Trước đời quá khứ vô lượng a tăng kỳ na do tha bất khả thuyết kiếp, thì đức Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai và ngài Địa Tạng Bồ Tát đều chưa xuất gia tu hành. Hai người đồng làm vua lân bang với nhau trong một thời kỳ.

Khi ấy, hai vị quốc vương kết nghĩa làm bạn và giao hảo với nhau một cách rất thân thiết, đều phát tâm làm mười điều lành, muốn trên thì quần thần được hưởng cuộc sống hạnh phúc vô vi, dưới thì bá tánh được an cư lạc nghiệp, và sau nữa tất cả chúng sanh đều gọi ơn giáo hóa, cảm đức nhân từ, mà bỏ dữ làm lành, đặng mọi phần lợi ích.

Song nhân dân trong các nước lân bang, phần nhiều hay làm điều ác nghiệp, như là tham lam, nóng giận, ngu si, tà kiến, nói thì ngoa ngôn ác ngữ, mắng rủa lẫn nhau, không kính Phật trọng Tăng, chẳng trì giới sát, tạt đổ mấy người lương thiện, mưu hại những kẻ trung thành, chẳng có chút gì là lòng nhân đức cả.

Đã vậy mà hễ có xảy ra những tai bệnh gì, thì cứ rước bóng rước chàng, vái ma vái quỷ, đem thân mạng mà cầu cứu với bọn tà sư ngoại đạo, sát hại vật mà cúng tế luôn luôn, tạo tác không biết bao nhiêu là tội nghiệp. Hai vị quốc vương thấy nhân dân ở các nước lân bang cứ chuồng sự tà mà làm việc chẳng lành như vậy, động lòng thương xót, mới bàn luận cùng nhau tìm phương tiện gì, đặng hóa độ cho những kẻ ấy khỏi bị cái ác nghiệp thọ báo, trầm luân nơi biển khổ về sau.

Lúc bàn luận xong rồi, một vị phát nguyện rằng: "Nay tôi nguyện xuất gia cầu đạo Bồ Đề cho đặng mau thành chánh giác mà hóa độ tất cả chúng sanh đều được vào cõi niết bàn, thì lòng tôi mới lấy làm thỏa mãn."

Còn một vị, thì phát nguyện rằng: "Nay tôi nguyện xuất gia tu hạnh Bồ Tát, nếu tôi không độ những loài chúng sanh bị tội khổ được mọi điều an lạc và chứng quả bồ đề, thì tôi chưa chịu thành Phật."

Trong hai vị quốc vương đồng thời phát nguyện như đã nói trên, thì phát nguyện sớm thành Phật mà hóa độ chúng sanh, tức là ngài Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai. Còn vị phát nguyện độ hết chúng sanh rồi sau sẽ thành Phật, tức là ngài Địa Tạng Bồ Tát.

Vì lời thệ nguyện của đức Địa Tạng như vậy, nên đã trải vô số kiếp mà ngài cũng còn làm một vị Bồ Tát. Thiết tâm lòng độ sanh của ngài to lớn biết là đường nào!

Hồi đời quá khứ, thuộc về kiếp bất khả thuyết, thì tiền thân của đức Địa Tạng Bồ Tát lại sanh làm ông đại trưởng giả, rất hào tộc và có đức độ.

Đương thời kỳ ấy, có đức Phật hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai ra đời.

Một bữa kia, ông trưởng giả tình cờ gặp vị Phật ấy, thân tướng tốt đẹp, ngàn phước trang nghiêm, thiết là tuyệt thắng trên đời, xưa nay chưa thấy. Ông càng xem lại càng thương và càng kính, làm cho ông sanh lòng hân hạnh bội phần.

Ông bèn lại gần, cúi đầu chấp tay mà thưa rằng: "Bạch Thế Tôn! Tôi trộm thấy cái dung quang của ngài rất đoan trang nghiêm nghị và viên mãn trăm phần, càng ngó lại càng tươi, càng nhìn lại càng đẹp, thiết là chẳng ai có cái báo thân như thế! Nhưng tôi tự nghĩ rằng nếu được quả tốt, ắt có nhân lành, vậy chẳng rõ mấy kiếp trước, ngài làm những hạnh nguyện gì mà ngày nay cảm được thân tướng tốt đẹp như thế!

Xin ngài từ bi giảng nói cho tôi biết, chứ tôi đây cũng lấy làm ước ao sao cho được cái tướng hảo ấy."

Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai thấy ông trưởng giả có lòng ước sự làm lành, nên ngài liền bảo rằng: "Nếu người muốn được kim thân diệu tướng như ta đây, thì phải phát tâm tu hành, trải vô lượng kiếp cầu đạo Bồ Đề và một lòng tinh tấn mà hóa độ tất cả những loài chúng sanh thọ khổ cho thoát khỏi đường tội báo và được phần khoái lạc tiêu điều, do cái duyên phước ấy mà ngày sau sẽ cảm đặng tướng hảo như ta đây, chớ không khó gì."

Ông trưởng giả nghe Phật dạy bảo như vậy, liền quỳ xuống trước mặt ngài mà phát nguyện rằng: "Tôi nguyện từ nay cho đến đời vị lai, không biết bao nhiêu kiếp số về sau, nếu có chúng sanh nào ở trong sáu đường, bị thống khổ về sự tội báo, thì tôi dùng đủ phương tiện mà độ cho được giải thoát tất cả, chừng đó tôi mới chứng Phật quả."

Vì trong kiếp làm trưởng giả nói trên, đức Địa Tạng có phát lời đại nguyện như vậy, nên từ đấy đến nay, trải đã trăm ngàn vạn ức na do tha, không biết bao nhiêu kiếp số rồi, mà ngài hãy còn làm một vị Bồ Tát.

Xem đó thì biết cái thệ nguyện lợi tha của ngài là vô cùng vô tận, và cái công đức cứu khổ của ngài thiết là vô lượng vô biên.

Trong truyện Thần Tăng có nói rằng: Sau khi Phật Thích Ca nhập diệt 1,508 năm, nhằm đời nhà Tấn, niên hiệu Vĩnh Huy, năm thứ tư, thì đức Địa Tạng Bồ Tát giáng sanh tại nhà vua nước Tân La. Ngài tục tánh là Kim, tên là Kiền Giác.

Khi được 24 tuổi, ngài xuất gia tu hành có dắt theo một con chó trắng, kêu là con Thiện Thịnh (Thiện Thịnh là con chó biết nghe tiếng người) qua tỉnh Giang Nam, huyện Thanh Dương, về phía Đông phủ Tri Châu. Ngài lên trên đỉnh núi Cửu Hoa ngồi thiền định trọn 75 năm.

Đến đời nhà Đường niên hiệu Khai Nguyên, năm thứ 16, tới 30 tháng 7, ngài chứng thành đạo quả. Lúc ấy ngài đã được 99 tuổi, mà cũng còn ở trong động núi Cửu Hoa.

Thuở đó, có một vị cát lão là ông Mẫn Công, sẵn lòng từ thiện, hay làm những sự phước thiện, hay làm những sự phước duyên. Trong nhà ông thường năm, mỗi khi trai tăng là 100 vị, mà ông chỉ thỉnh 99 vị, còn một vị để dành thỉnh ngài cho đủ số.

Có một bữa kia, ngài xin ông Mẫn Công một chỗ đất, ước vừa trái đủ cái y cà sa của ngài mà thôi.

Khi ông bằng lòng cho, thì ngài lấy y trái ra, tràm hết cả khoảng đất tại cạnh núi.

Ông Mẫn Công thấy sự thần kỳ như vậy, biết là một vị thánh tăng, nên lại càng bội phần hoan hỉ mà nguyện cúng hết đất ấy, còn người con ông thì xin xuất gia theo ngài.

Ít lâu ông cũng đi tu, trở lại đầu cơ với con, tức là thầy Đạo Minh Hòa Thượng.

Sau ngài lại thiên định 20 năm nữa, đến đời nhà Đường, niên hiệu Chí Đức thứ hai, bữa 30 tháng 7, ngài nhập diệt.

Vì có sự tích của ngài chuyển thế như vậy, nên người đời sau tạo tượng mà thờ ngài, bên tả có thầy Đạo Minh, còn bên hữu có tượng ông Mẫn Công đứng hầu, và mỗi năm đến ngày 30 tháng 7, ai cũng làm lễ kỷ niệm ngài là do tích đó.

Sự tích đức Di Lặc Bồ Tát

Đức Di Lặc là một vị Phật thứ năm trong Hiền kiếp (Bốn vị Phật trong Hiền kiếp đã ra đời, kể ra sau đây: 1. Đức Câu Lưu Tôn, 2. Đức Câu Na Hàm, 3. Đức Ca Diếp, 4. Đức Thích Ca Mâu Ni) để nối ngôi Phật Thích Ca, ra đời mà giáo hóa chúng sanh.

Nhưng số kiếp chưa đến, ngài còn ở trên cung trời Đâu Suất, thường hay hóa thân trong mười phương thế giới mà thuyết pháp độ sanh.

Khi ngài ứng tích tại Song Lâm, thì tên của ngài là: Phó Đại Sĩ, và lúc ngài hóa thân ở Nhạc Lâm, thì hiệu của ngài là Bồ Đại Hòa Thượng.

Công việc hành tàng bước đường lai khứ trong hai khoảng chuyển sanh ấy, nào là lời phương tiện quyền xảo, nào là lời vi diệu pháp âm, làm cho người đời đều tỉnh giấc mộng mà quy đầu về chánh giáo.

Nay xin lược thuật sự tích lúc ngài hóa thân làm vị Bồ Đại Hoà Thượng ra sau đây cho quý vị độc giả xem.

Đương thời kỳ nước Lương thuộc về đời Ngũ Quý, ngài ứng tích ở nơi Châu Minh, tại huyện Phụng Hóa, thân hình khác hơn người thế tục, trán thì nhẵn, bụng thì lớn, và hình vóc mập mạp.

Lúc đó không ai biết tên họ của ngài, chỉ thấy ngài thường mang theo một cái túi vải mà thôi, nên mọi người kêu là Bồ Đại Hòa Thượng.

Tánh ngài hay khời hài và chỗ ăn và nằm ngày đêm không có nhất định, mà ngài đi đâu rồi cũng thấy trở về chùa Nhạc Lâm mà trú ngụ.

Mỗi khi đi đường, ngài thường cầm gậy tích trượng và mang cái túi bằng vải, không khi nào rời hai vật ấy ra khỏi mình, lại có 18 đứa con nít (là lục căn, lục trần, và lục thức) nhỏ thường đeo đuôi theo một bên mà điểu cọt làm cho ngài tức cười mãi mãi. Thường khi ngài đi vào chốn thôn quê hay là nơi đồng ruộng, hễ ai cho những vật gì, khi ngài ăn xong, còn dư lại bao nhiêu đều bỏ vào túi.

Lúc đi tới nơi chợ quán, thì ngài ngồi xuống, mở túi lấy những đồ ăn dư đưa lên, kêu mấy người đứng xung quanh mà nói rằng: "Các người xem cói đó là cái gì?" Ngài nói rồi một giây lâu bỏ đồ ấy vô túi mà mang đi. Còn có khi ngài gặp thầy sa môn đi ngang qua, ngài ở sau vỗ lưng một cái, làm cho thầy sa môn giật mình, ngó lại mà hỏi rằng: "Hòa thượng làm cái gì vậy?"

Ngài liền giơ tay nói: "Người cho ta xin một đồng tiền."

Thầy sa môn thấy vậy, bèn nói rằng: "Nếu tôi hỏi một điều mà hòa thượng nói đặng, thì tôi cho."

Ngài liền để cái túi xuống, chấp tay đứng một bên, rồi lấy túi mang trở lại mà lật đặt quày quả đi liền. Một bữa kia, ngài đi vào trong đám đông người, có một ông tăng hỏi ngài rằng: "Hòa thượng ở trong đám đông người làm chi đó?"

Ngài trả lời rằng: "Ta đương đợi một người đến."

Ông tăng hỏi: "Hòa thượng đợi ai?"

Ngài bèn thò tay vào túi lấy một trái quít đưa cho ông tăng.

Ông vừa giơ tay ra lấy trái quít, ngài liền thục tay lại mà nói rằng: "Người chẳng phải người ấy."

Lại có một bữa, ông tăng chợt thấy ngài đứng bên đường gần chợ, bèn hỏi rằng: "Hòa thượng ở đây làm chi?"

Ngài liền đáp rằng: "Ta đi hóa duyên."

Ông tăng thấy vậy mới nói rằng: "Hóa duyên ở đâu nơi ngã tư như vậy?"

Ngài trả lời: "Ngã tư chính là chỗ ta muốn hóa duyên."

Ông tăng vừa muốn hỏi chuyện nữa, thì ngài liền mang cái túi vải rồi cười ngất mà đi một hơi.

Có một khi ông Bạch Lộc Hòa Thượng gặp ngài, liền hỏi rằng: "Thế nào gọi là: cái túi vải?"

Ngài nghe hỏi liền để túi xuống, rồi khoanh tay mà đứng.

Ông Bạch Lộc Hoà Thượng lại hỏi rằng: "Công việc của cái túi vải ra làm sao?"

Ngài liền mang túi mà đi, không trả lời chi hết.

Có một bữa kia, ông Bảo Phước Hòa Thượng gặp ngài hỏi rằng: "Thưa ngài! Duyên có tại sao mà xưa đức Tổ Sư ở bên Tây phương qua đây là có ý gì?"

Ngài nghe hỏi liền để cái túi vải xuống, rồi đứng tự nhiên.

Ông Bảo Phước Hòa Thượng lại hỏi nữa rằng: "Chỉ như vậy, hay là còn có cái gì nữa hay không?"

Ngài nghe hỏi như thế, bèn lấy túi vải mang trở lại mà đi, không hề trả lời.

Từ đó về sau, hễ ngài đi đến đâu, thì người ta tranh nhau mà chặn đón và níu kéo, đặng mời ngài vào nhà, chớ không cho đi luôn. Bởi vậy cho nên trong các quán rượu và tiệm cơm, người người tha hồ ăn uống no say, không có chút gì nhàm chán, vì ngài vào đâu thì buôn bán đắt đến bội phần.

Lúc nào gặp trời mưa, thì tản sáng ngài ngủ dậy mang guốc cáo gót, đi ra nằm ngửa trên cái cầu to, co chân lại dựng hai bắp vế lên, thì ngày ấy nắng. Còn khi nào trời nắng, mà ngài mang đôi dép cỏ đi ra ngoài đường, ngày ấy trời lại mưa.

Thường bữa ngài hay tới nhà một nông phu kia mà ăn cơm. Có một hôm người vợ tên ấy thấy vậy nổi giận mà rầy rằng: "Đương lúc lo việc ruộng nương rộn ràng không xiết, mình có công đâu mà nuôi lão Hòa Thượng điên đó hoài."

Ngài nghe nói mấy lời ấy, liền đem cơm đồ dưới gốc cây dâu ở bên nhà rồi bỏ đi.

Cơm ấy tự nhiên hoàn lại trong nôi của người nông phu. Hai vợ chồng thấy vậy rất kinh, bèn cùng nhau đi kiểm ngài, rồi lấy lục mà xin sám hối.

Có một khi, đương buổi mùa hạ, khí trời nóng nực, ngài cởi quần áo để trên bờ mà xuống khe tắm.

Lũ trẻ khuấy chơi, bèn lên lại lấy cả quần áo. Đương lúc tắm, ngài thấy vậy thì lật đật để mình trần truồng mà rượt theo bọn con nít. Mấy người ở trên bờ xúm nhau lên coi, thì thấy âm tàng của ngài như trẻ nhỏ vậy.

Gần chỗ đó có tên Lục Sanh, nghề vẽ rất tinh xảo. Người ấy thấy ngài, bèn vẽ một bức tượng y hệt mà dán tại chùa, nơi vách nhà Đông.

Bữa nọ ngài đi ngang qua bên vách, thấy tượng ấy liền khạc nhổ rồi bỏ đi.

Khi ngài ở tại xứ Mân Trung, có một người cư sĩ họ Trần, thấy ngài làm nhiều việc kỳ thần, nên đãi ngài rất cẩn trọng.

Lúc ngài từ giả ông Trần cư sĩ mà đi qua xứ Lương Chiết, ông muốn rõ tên họ ngài, bèn hỏi rằng: "Thưa Hòa Thượng! Xin cho tôi biết họ ngài là chi, sanh năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào, và xuất gia đã bao lâu rồi."

Ngài đáp rằng: "Ta tỏ thiệt cho người rõ rằng ta chính là họ Lý, sanh ngày mùng tám tháng hai. Ta chỉ biểu hiệu cái túi vải này mà để độ đời đó thôi. Vậy người chớ tiết lộ cho ai biết."

Ông Trần cư sĩ nghe nói như vậy, bèn thưa rằng: "Hoà Thượng đi đâu, nếu có ai hỏi việc chi thì ngài trả lời làm sao cho hợp lý, chớ tùy thuận theo người thì không khỏi bằng nhân dị nghị tiếng thị phi."

Ngài bèn đáp một bài kệ rằng:

Ghét thương phải quấy biết bao là,
Xét nét lo lường giữ lấy ta;
Tâm đề rỗng thông thường nhẵn nhục,
Bữa hằng thông thả phải tiêu ma;
Nếu người tri kỷ nên y phận,
Dẫu kẻ oan gia cũng cộng hòa;
Miễn tấm lòng này không quá ngại,
Tự nhiên chứng ngộ Lục ba la

Ông Trần cư sĩ lại hỏi rằng: "Bạch Hòa Thượng! Ngài có pháp hiệu hay không?"

Ngài liền đọc bài kệ mà đáp rằng:

Ta có cái túi vải,
Rỗng rang không quá ngại;
Thâu vào Quan tự tại.

Ông Trần cư sĩ hỏi rằng: "Hòa thượng đi đây có đem đồ hành lý hay không?"

Ngài đáp bài kệ:

Bình bát cơm ngàn nhà,
Thân chơi muôn dặm xa;
Mắt xanh xem người thế,
Mây trắng hỏi đường qua.

Ông Trần cư sĩ thưa: "Đệ tử rất ngu, biết làm sao cho ngộ thấy tánh Phật."

Ngài bèn đáp bài kệ:

Phật tức tâm, tâm ấy là Phật, mười phương thế giới là linh vật;
Tung hoành diệu dụng biết bao nhiêu;
Cả thấy chẳng bằng tâm chân thật.

Ông Trần cư sĩ thưa rằng: "Hòa Thượng đi lần này nên ở nơi chùa, chớ đừng ở nhà thế gian."

Ngài bèn đáp bài kệ rằng:

Ta có nhà Tam Bảo,
Trong vốn không sắc tướng;
Chẳng cao cũng chẳng đề,
Không ngăn và không chướng;
Học vẫn khó làm bằng,
Cầu thì không thấy dạng;
Người trí biết rõ ràng,
Ngàn đời không tạo dựng;
Bốn môn bốn quả sanh,
Mười phương đều cúng dường.

Ông Trần cư sĩ nghe bài kệ lấy làm lạ, liền đánh lễ ngài mà thưa rằng: "Xin Hòa Thượng ở nán lại một đêm mà dùng cơm chay với tôi, đừng tỏ dấu đệ tử hết lòng cung kính, xin ngài từ bi mà hạ cố."

Đêm ấy ngài ở lại nhà Trần cư sĩ. Đến khi đi, thì ngài viết một bài kệ dán nơi cửa.

Ta có một thân Phật,
Có ai dựng tướng tất;
Chẳng vẽ cũng chẳng tô,

Không chạm cũng không khắc;
Chẳng có chút đất bùn,
Không phải màu thể sắc;
Thợ vẽ, vẽ không xong,
Kẻ trộm, trộm chẳng mất;
Thể tướng vốn tự nhiên,
Thanh tịnh trong vặc vặc;
Tuy là có một thân,
Phân đến ngàn trăm ức.

Khi ngài đi đến quận Tứ Minh, ngài thường giao du với ông Tường Tôn Bá một cách rất thân mật, ngài có khuyên bảo ông mỗi ngày trì niệm câu chú: Ma ha bát nhã ba la mật đa. Vì vậy người ta đều kêu ông Tường Tôn Bá là Ma Ha cư sĩ.

Có một ngày nọ, ông Ma Ha cư sĩ cùng ngài đồng tắm dưới khe Trường Đình. Khi ngài đưa lưng bảo ông Ma Ha kỳ dùm, thì ông thấy nơi lưng ngài có bốn con mắt rực rỡ chói lòa, bèn lấy làm kinh dị vô cùng. Ông liền đánh lễ ngài mà nói rằng: "Hòa Thượng quả là một vị Phật tái thế!"

Ngài liền khoát tay bảo nhỏ rằng: "Người chớ nói tiết lộ. Ta cùng người ở với nhau đã ba bốn năm nay, vốn là có nhân duyên rất lớn, rồi đây ta sẽ từ biệt người mà đi. Vậy người chớ buồn rầu thương nhớ."

Ngài nói rồi, bèn về nhà ông Ma Ha cư sĩ mà hỏi rằng: "Ý người có muốn giàu sang hay không?"

Ông Ma Ha cư sĩ thưa rằng: "Sự giàu sang như lùm mây nổi, như giấc chiêm bao, có cái gì là bền chắc chắn đâu, nên tôi nguyện làm sao cho con cháu tôi đời đời được miên viễn mà thôi."

Ngài bèn lấy cái túi của ngài thọc tay vào móc ra một cái túi nhỏ, một cái hộp, và một sợi dây, liền đưa cho ông Ma Ha cư sĩ mà nói rằng: "Ta cho người mấy vật này mà từ biệt. Song ta căn dặn người phải giữ gìn cho kỹ càng mà làm biểu tín những việc hậu vận của nhà người."

Ông Ma Ha cư sĩ vâng lãnh mấy món ấy mà chẳng rõ được là ý gì. Cách vài bữa sau ngài trở lại nhà ông mà hỏi rằng: "Nhà người có hiểu được ý ta hay không?"

Ông thưa rằng: "Thưa ngài, đệ tử thiệt chẳng rõ."

Ngài nói rằng: "Đó là ta muốn con cháu nhà người ngày sau cũng như mấy vật của ta cho đó vậy."

Nói rồi ngài bèn từ giả mà đi liền.

Đến sau, quả nhiên con cháu của ông Ma Ha cư sĩ được vinh hoa phú quý, hưởng lộc nước đời đời. Đó là mấy vật của ngài cho có hiệu nghiệm như vậy.

Nhằm ngày mùng 3 tháng 3, năm thứ ba, niên hiệu Trịnh Minh, ngài không tật bệnh gì cả, ngồi trên bàn thạch, gần nơi mái chùa Nhạc Lâm mà nhập diệt.

Nhắc lại khi ngài chưa nhập diệt, có ông Trần Đình trưởng thấy ngài hay khôi hài không lo sự gì cả, nên mỗi lần gặp ngài thì buông lời câu nhục rồi giật cái túi vải mà đốt.

Hễ bữa nay đốt rồi, thì qua ngày sau ông Trần Đình trưởng cũng thấy ngài mang cái túi ấy như cũ. Ông nổi giận đốt cháy rụi luôn đến ba lần, cũng vẫn thấy ngài còn mang cái túi vải đó.

Từ đó về sau, ông Trần Đình trưởng lấy làm lạ, nên đem lòng khâm phục ngài, không dám khinh dễ nữa.

Khi ngài nhập diệt, thì ông Trần Đình trưởng lo mua quan quách mà táng liệm thi hài, là cố ý chuộc lỗi của ông ngày trước. Nhưng đến chùng đi chôn, thì người khiêng rất đông, mà cái quan tài lên không nổi.

Trong bọn ấy có một người họ Đồng, ngày thường tỏ lòng tôn kính ngài một cách rất trọng hậu, nên thấy việc linh hiển như vậy, liền vội vã mua cái quan tài khác, rồi liệm thi hài của ngài lại. Đến khi khiêng đi, thì số người cũng bấy nhiêu đó, mà khiêng nhẹ phơi phới như bông. Ai nấy thấy vậy cũng đều kinh sợ và cung kính.

Lúc đó các người trong quận thiết lập ra một hội rất lớn, xây tháp cho ngài ở nơi núi Phong Sơn. Núi ấy toàn là đá lởm chởm, hòn cao, hòn thấp, trong mấy hang đá đều là chỗ di tích của ngài còn lưu truyền lại, nào là chỗ để tích tượng, nào là chỗ để bình bát, v.v...

Những chỗ sâu, chỗ cạn, chỗ lớn, chỗ nhỏ, hình tượng giống như cái bình bát, đều có nước đầy hoai, dẫu cho trời đại hạn đi nữa, thì cũng chẳng có lúc nào khô kiệt.

Thiệt là nhiều việc anh linh hiển hách vô cùng!

Hồi đời lục Triều, đức Di Lặc lại ứng tích làm phó đại sĩ ở tại chùa Song Lâm một thời kỳ nữa.

Khi ngài ra mắt Lương Võ Đế, vua liền hỏi ngài rằng: "Xin Đại Sĩ cắt nghĩa cho quả nhân nghe làm sao kêu là Đạo?"

Ngài liền bạch rằng: "Tâm thiệt là đạo. Tôi xin chứng nghiệm như vậy, thì bệ hạ đủ hiểu."

Khi bệ hạ chưa lên ngự tại điện này, trong tâm lúc ban đầu chưa khởi niệm, bốn trí vẫn tự nhiên mà được diệu tịnh quang huy, sáng suốt hiện buổi nay, rực rỡ đến thuở trước, và đầy lấp tất cả cõi Thái Hư, cái tịnh quang ấy muốn đời không sanh, vĩnh kiếp không diệt, chẳng phải thánh mà cũng chẳng phải phàm, không thúc phục mà cũng không giải thoát.

Đó là tâm thể rất mầu nhiệm và rất vắng lặng. Ngoài cái tâm không có đạo gì riêng khác, và ngoài đạo cũng không có tâm nào phân biệt nữa, vì thế cho nên mới gọi Tâm là đạo."

Vua Võ Đế lại hỏi nữa rằng: "Vậy chớ Đại Sĩ có tôn ai làm thầy hay không?"

Ngài bạch rằng: "Thầy thì không có ai là thầy của bản đạo, còn tôn thì bản đạo cũng không có tôn ai, đến việc tụng sự, thì cũng không có tụng sự với người nào cả."

Vua Võ Đế nghe ngài nói như vậy, thì biết là một vị Bồ Tát lâm phạm, nên càng tôn trọng ngài một cách rất đặc biệt.

Đoạn ngài lại thưa với vua rằng: "Bệ Hạ ngày nay mà đặng hưởng điều tôn vinh như vậy, nguyên nhân cũng là một vị Bồ Tát hạ trần mà cứu thế."

Vậy xin Bệ Hạ phải mở thông ý địa, nên tự lượng nơi mình, tâm để cho thanh tịnh, đừng trước nhiễm vật gì, lấy đó làm căn bản, cần nhất phải dùng chỗ hư linh làm cơ sở, lấy sự vô tướng làm nguyên nhân, nguyện vọng chỉ thành cầu cho đạt tới chỗ Niết Bàn mà làm cực quả.

Nếu Bệ Hạ thi thố những phương pháp trị quốc, thì phải dùng chánh pháp mà sửa trị trong thế gian, và thi hành những điều nhân đức, đặng làm cho lê dân cảm hóa.

Trong triều thì trọng dụng những người hiền tài mà trừ khử mấy kẻ cuu lòng gian nịnh, còn ngoài thì thi nhân chánh đến kẻ quan quã, cô độc, bỏ những hình phạt trừng trị nặng nề, và ban chánh lệnh cho có nghiêm minh trật tự. Nếu Bệ Hạ trị vì trong thiên hạ, thì nhân bố đức được như thế, thì kẻ xe người gán đều gọi nhuần ơn đức vô cùng vô tận. Chừng đó việc can qua phải dứt, mà trong đội ngũ lại ninh bình, thì ngôi trời được hùng tráng mà an hưởng cuộc thái bình. Nếu chánh sách thi thố được công hiệu như thế, thì Bệ Hạ thiên cơ đã thần diệu, lại còn nổi ngôi quốc tổ được lâu dài nữa. Đó là bản đạo hy vọng sao cho Bệ Hạ được như vậy."

Có một ngày kia, ông Lưu Trung Thừa ngồi tại chỗ trạm dịch với ngài, thoát thấy có Thánh giá vừa đến, liền lật đặt đứng dậy làm lễ, còn ngài ngồi yên lặng một chỗ.

Khi Thánh giá quá khỏi rồi, ông Lưu Trung Thừa bèn hỏi ngài rằng: "Theo ý tôi tưởng, ngài chẳng chịu làm tôi với Thiên tử, không muốn làm bạn với Chư hầu, có sao mà lại ngã mạn như vậy, xin ngài nói cho tôi rõ."

Ngài liền đáp rằng: "Để bản đạo giải cho ông rõ. Phạm việc kính mà biểu lộ ra hình tướng, thì không có tánh kính, còn bề ngoài chẳng cử động sự kính về lễ nghe tham bái, thì thiệt trong tâm có ẩn điều kính vô giá. Bản đạo thấy Thánh giá mà động thân, thì pháp địa tự nhiên cũng rung động. Hễ pháp địa rung động, thì tất cả các pháp cũng chẳng an nhẩn, nếu các pháp chẳng an nhẩn, tức là không có kính, nên bản đạo vẫn ngồi tự nhiên là vậy đó."

Ông Lưu Trung Thừa nghe ngài nói như thế, thì rất kính phục.

Vua Lương Võ Đế biết ngài là một vị Bồ Tát tái lai, nên thiết lập một chỗ pháp hội rất nghiêm trang, rồi thỉnh ngài lên diễn kinh cho bá tánh nghe.

Khi trần thiết xong rồi, ngài lên ngồi trên pháp tòa, lẳng lẳng làm thỉnh được giây phút, chớ không nói một lời chi cả.

Trong đám người đến nghe kinh đó, có một vị Thái tử thấy vậy mới hỏi ngài rằng: "Thưa ngài! Đáng lẽ chỗ chư thiên nhân cuu hội đây, ngài phải giảng giải cho mọi người rõ thấu lẽ chân chánh của Phật, đặng nhờ đó mà tu học mới phải, có sao ngài làm thỉnh mà không biện luận nghĩa lý chi, lại vội xuống pháp tọa như vậy?"

Ngài liền trả lời rằng: "Phạm việc gì nói hay là nín, đều thuộc về Phật sự cả. Như thế có phải làm đúng theo Phật lý hay không? Vậy mà ông còn buộc tôi nói năng làm chi nữa."

Thái tử nghe mấy lời bèn làm thỉnh, trong lòng càng khâm phục ngài vô cùng.

Cách ít lâu, ngài ra mắt vua, rồi quỳ xuống mà tâu rằng: "Muôn tâu Bệ Hạ! Bản đạo có như ý bửu châu và thanh tịnh giải thoát, chiếu diệu rõ rệt đến mười phương. Nếu Bệ Hạ chịu thọ lãnh mấy vật ấy, thì có ngày sẽ chứng đến quả Bồ Đề. Và lại các pháp chẳng phải có, mà cũng chẳng phải không, phạm vật gì thuộc về hữu tình đồng quy nơi thiệt tế. Các việc trong thế gian đều là bức tranh huyễn hoá, rốt cuộc rồi hoàn về chỗ không, cũng ví như trăm sông tuy phân ra muôn dòng ngàn mạch, nhưng tóm lại cũng chảy về biển."

Pháp thế gian và phát xuất thế gian cũng chẳng qua là ý chân như. Vì lý chân như thiệt không có sanh và không có diệt, nên không có Niết Bàn, tam thế cũng bình đẳng, mười phương đều thanh tịnh. Nếu lấy phần thanh tịnh bình đẳng ấy làm sự nhiều ích cho các giống hữu tình, thì được đồng lên bờ giác ngộ.

Nếu chỗ sắp đặt phương pháp đặng như thế, thì cuộc trị bình trong thiên hạ sẽ hóa ra cảnh giới trang nghiêm. Đó là Bệ Hạ dùng diệu pháp mà tế độ nơi đời, được như vậy thì khác nào như một vị Từ Bi Vương tái thế."

Vua Lương Võ Đế nghe mấy lời của ngài biện giải, càng thêm tôn sùng kính trọng hơn nữa.

Khi ngài ở tại chùa Song Lâm, thấy kinh tạng chứa đầy, ngài biểu mấy đạo chúng đem từng cuốn mà tả ra. Bón ý của ngài muốn khiến cho kẻ sơ địa phạm phu nhờ công đức chuyển kinh đó mà đạt tới nơi chánh chân của Phật.

Bởi vậy trong thiên hạ, duy có chỗ Song Lâm, thì Thiên Long thường ủng hộ, nên kinh tạng được toàn bản mà lưu truyền đời sau.

Thoạt một ngày kia, có một làn định quang kim tức của đức Thích Ca, mùi thơm bát ngát, từ phương Đông bay đến mà nhóm nơi mình của ngài.

Bỗng nhiên có tiếng xướng rằng: "Phó Đại Sĩ xuất hiện ra đây, là thay thế cho đức Thích Ca mà thuyết pháp, ngồi trên chỗ Long Hoa thắng hội mà chỉ rõ cái bản nguyên từ mẩn của đức Văn Thù và xiển dương huệ tập phổ thế của đức Quán Âm."

Rõ ràng ngài cũng như bậc y vương, đại thí những lương phương diệu tế mà điều trị tất cả bệnh vô minh phiền não. Thiệt là ngài có công phu rất lớn mà nhiều phương pháp khởi từ siêu sanh.

Có một bữa kia, khí trời nóng nực, ngài ra ngoài gành biển mà hóng mát, dòm thấy dưới mé có một vùng quanh co theo bờ, và dân cư tại đó chỉ làm được ruộng muối mà thôi. Hễ đến thời tiết mùa thu, thì nước biển tràn lên lênh láng, không thể nào mà ngăn cản cho đặng.

Ngài thấy vậy, liền nói với những người bốn xứ rằng: "Bần đạo muốn làm sao cho chỗ này thành ra ruộng tốt, để cho bá tánh cây cấy đặng nhờ đó mà an cư lạc nghiệp."

Dân chúng nghe mấy lời ấy, đều cười rộ lên mà nói rằng: "Ông này thiệt điên cuồng! Thuở nay thiên biển mà ai làm thành ruộng cho đặng bao giờ?"

Ngài thấy dân chúng không đem lòng tin, liền lấy bao đựng cát đem chất xây giáp vòng như vách lũy mà bao bọc luôn bãi cát ấy.

Lạ thay! Trộn một vùng bờ dề của ngài làm đó, cách ít lâu cứng cũng như đá vậy, ngăn được ngọn nước thủy triều ngoài biển, không thể nào chảy vô được nữa, nhưng hồi ngài làm đó có chia ra ba chặng, để ngừa khi trời hạn và nước lụt.

Đến sau, nội trong khu đất ấy đều thành ra ruộng cả, ước chừng hơn hai ngày mầu, thường năm cây cấy đặng mùa luôn luôn. Dân cư trong xứ mỗi năm gặt lúa rồi, trích ra một phần ba để cung cấp cho tăng đồ trong các chùa lân cận, mua chim cá mà phóng sanh, và làm nhiều việc phước thiện khác nữa.

Hiện nay mấy cái bờ bằng cát của ngài làm đó hằng bền chắc, không có hư rã chút nào.

Thiệt là linh cảm thay chỗ di tích của bậc Đại Thánh ngày xưa! Cho nên dân cư ở dọc theo mé biển ấy đều được phong y túc thực luôn luôn, cùng nhau lập chùa thờ ngài và truy tặng ruộng ấy là Phước Điền.

Sau ngài qua phía Nam núi Phong Sơn mà chỉ điểm những chỗ ẩn tích nơi thâm khê cùng cốc, rồi mấy nơi ấy lần lần trở nên phong cảnh rất thiên nhiên và nét xuân quang bốn mùa đều xuất sắc.

Bữa nọ, ngài đi chơi tới xứ Bắc thượng, chợt thấy một người đương sửa soạn làm thịt loài súc.

Ngài lật đật chạy lại can rằng: "Bần đạo xin tỏ cho nhà người nghe. Tất cả loài súc sanh, nguyên nhân cũng là người thể gian, chớ không phải khác đâu, vì tạo ác nghiệp rất nặng nề, nên nay phải chịu khổ quả như vậy. Thoảng như mình là điều phước thiện mà một đời chẳng được giàu sang, thì cũng còn có ngày trông giải thoát, chớ tạo nghiệp sát sanh như vậy, thì ngày sau khó tránh khỏi luân hồi khổ thú."

Bần đạo nguyện sao nhà người hồi tâm tự lượng, đem tấm lòng nhân từ mà dung thứ những loài động vật, vì nó cũng đủ cả Phật tánh và cũng biết ham sống sợ chết như ta vậy.

Những người có nhân hăng lấy con mắt từ mà quán xét, xem vạn vật với ta đồng một thể, và muôn tượng với ta đồng một gốc. Nếu tấm lòng nhân ái được như thế, thì chẳng những trọn đức từ bi lợi vật một thuở mà thôi, lại nhiều kiếp được trường thọ là khác nữa."

Người ấy nghe ngài phân giải như vậy, liền tỏ ngộ và chung thân không dám sát sanh loài động vật nữa.

Lại có một khi, ngài đương đi ngoài đường, tình cờ gặp một người nông phu vừa cột một con trâu, đang tính bề làm thịt.

Ngài đi hỏi hỏi lại can rằng: "Phàm ở đời, có nhân thì có quả, không có sai chạy mảy nào, đó là lẽ cố nhiên như vậy. Hễ giết loài vật, thì có ngày chúng nó cũng giết lại, vậy mà trong đời có ai biết sợ sệt đâu, non dao rừng kiếm với vạc dầu ở chốn âm ty, để trừng trị những người tạo ác nghiệp như người vậy, thì đời kiếp nào mà trông phân giải thoát cho đặng."

Người nông phu nghe ngài nói như thế, liền cúi đầu đánh lễ và nguyện trọn đời không dám tái phạm nữa.

Ngài thường đi chơi ngoài đồng, bữa nọ lại gặp một ông sa di hỏi ngài rằng: "Thưa Đại Sĩ! Làm thế nào mà hàng phục được vọng tâm của mình?"

Ngài nghe hỏi, liền trả lời rằng: "Tâm là vật gì đâu mà ông phải tìm cho uống công phu. Vả lại vọng tâm thiệt không có căn bản, hễ buông nó ra thì không thấy dấu tích gì là vọng. Bởi bị các duyên đeo đuổi lăng xăng, nên mới thành ra vọng niệm như vậy. Nếu nhất chân của ta lặng yên tịnh rồi, thì toàn thể như phóng ra khắp cả pháp giới và bốn thể vẫn tự nhiên mà rõ rệt. Chừng đó, dầu cho bụi trần cấu cũng không có thể nào mà che lấp cho đặng, thì có vật chi đâu mà người gọi rằng điều phục."

Ông sa di nghe ngài biện bạch như thế, vùng tỏ ngộ và tôn kính vô cùng, rồi đánh lễ mà từ giả.

Cách ít lâu ngài đi chơi, chợt thấy một ông sa môn còn nhiễm theo tục trần, cứ khu trục trong trường mộng ảo.

Ngài bèn đón lại mà chỉ dụ rằng: "Bần đạo coi ông vốn thiệt là Phật. Lẽ nào ông tự độ lấy mình, đặng mong có ngày chứng đặng quả vô sanh pháp nhẫn, cớ sao ông lại còn yểm trợ theo thói phạm tình, đành che lấp bốn lai diện mục như vậy."

Bây giờ ông phải bỏ các duyên cấu trước, mà giữ sạch những thói tà phong, gắng sức công phu mà suy tìm trong tâm thể vô sanh, thì có ngày sẽ đạt tới chỗ diệu minh chân tánh. Nếu ông hồi quang phản chiếu cho toàn thủy toàn chung rồi, sẽ đặng vô ngại viên thông.

Bần đạo ao ước làm sao cho ông được như thế, thì có khác nào một vị La hán xuất trần, nếu chẳng vậy thì cũng là một vị Khuất sát trạng phu. Chớ cách hành động như ông đó, thì đã không có ích cho mình, mà lại uống công xuất thế học đạo vô vi, đến chung quy cũng còn lẫn lộn trong đường lục đạo, biết chừng nào mà thoát ra khỏi đặng vòng sanh tử. Như vậy có khổ hay không?"

Ông sa môn nhờ ngài điểm hóa, nên liền tỏ ngộ lý chân thừa. Từ đó về sau, ông càng lo tu học, không còn nhiễm nữa.

Thiệt cách phô tế của ngài không khác nào một ông lương y, đã điều trị không biết bao nhiêu là chứng trầm kha phế tật, rõ ràng một hột minh châu có thể chỉ sắt hóa nên vàng, một lời pháp ngữ có thể đổi người phạm trở nên bậc thánh.

Bởi vậy cho nên ngài thường dùng những phương pháp thiền định rất giản dị mà độ thoát tất cả chúng sanh qua khỏi sông mê bể khổ, dẫn dụ người đời ra khỏi nhà lửa đường mờ.

Ngài lại chẳng nên sự cầu nhục của thế tình, cứ xen lẫn trong chốn trần lao, mà thi hành những sự lợi ích cho hạng người còn sống say thác ngủ. Vì vậy cho nên trong tám phương hồ hải, chỗ nào cũng là chỗ viên giác đạo tràng của ngài thể thác cả.

Còn đối với thập loại chúng sanh, thì ngài càng đem lòng quyền luyến như con một cha, như người một nhà, không phân biệt nhân ngã, và không biện luận Bắc Nam, vì tất cả chúng sanh thấy đều đủ chân như diệu tánh như ngài vậy, nhưng vị bị màn vô minh che lấp, nên phải trì trệ trong vòng khổ hải sầu thành đó thôi.

Ngài thường đối với quần chúng mà nói rằng: "Muôn tượng chỉ bao la, song một mảy trần chẳng lập, nhất chân trong pháp giới, trăm hạnh đều phân vân. Tuy vậy chớ không lọt ra ngoài vòng như chí lý, cho nên động tịnh đều là pháp tham thiền, nếu một niệm mà được khế chân, thì sẽ có ngày mau lên bờ bi ngạn."

Đó là lời pháp ngữ của ngài phát ra những lý mầu nhiệm của thiền gia, để bủa khắp chốn mê đồ, đặng mở rộng những nghĩa huyền tôn trong tâm địa, trước là thấu thập những người có lợi căn, sau là thức tỉnh số người còn độn trí. Thiệt công phu của ngài đến vô lượng vô biên, lòng phổ tế trong đời cũng vô cùng vô tận.

Đến đời Lương, nhằm khoảng vua Quân Vương trị vì, niên hiệu Trinh Minh, năm thứ hai, ngày mùng 3 tháng 3, ngài đối trước chúng nhân mà nói rằng: "Qua năm tới đây, cũng ngày này và tháng này, thì ta đem trái Di Lặc mà cúng dường cho đại chúng."

Quả nhiên qua năm sau, cũng trong ngày ấy và tháng ấy, đại chúng thấy ngài ngồi kiết già trên bàn thạch, gần bên chùa Song Lâm mà nhập diệt. Ai nấy thấy đều kinh dị và than thở vô cùng.

Trong đại chúng mới hiệp lực cùng nhau kết khám mà để thi hài của ngài, rồi làm một tòa bửu tháp rất tôn trọng, ngoài ngạch bia có khắc hiệu là: Định Ứng Tháp.

Hiện nay tại chỗ bửu tháp ấy, tuy trái mấy phen tang thương biến đổi, mà công trình vẫn còn đồ sộ như xưa, thánh tích nguy nga, xa trông vợi vợi, bốn mùa người đàn việt tới lui chẳng ngớt, một phương trời chuông trống rất oai nghiêm.

Đức Di Lặc tuy chưa đến thời kỳ xuất thế, nhưng tấm lòng từ bi vô hạn đối với tất cả quần sanh, đôi phen tùy theo cơ duyên thực thác mà ứng tích nơi đời, đặng nêu bày lẽ chánh tôn định huệ, cố ý nhiếp trì những hạng người đương chìm đắm nơi sông ái hà, và ra công phổ độ những kẻ bị chơi vơi giữa dòng khổ hải.

Thiệt công đức của ngài không có bút mực nào mà mô tả ra cho hết đặng.

Từ ấy chí nhần nay, có trên ngàn năm mà phước điền của ngài còn lưu trụ các điện đại hùng, thiện quả vẫn còn bủa khắp nơi trong thế giới.

Chẳng những mười phương đánh lễ tôn sùng ngài mà thôi, cho đến sáu chữ "Nam Mô Di Lặc Tôn Phật" thì người thường một lòng trì niệm, chẳng có chút nào biến đổi cả.

Nói tóm lại, đức Di Lặc còn nhiều số kiếp nữa mới xuất hiện ra đời để nối ngôi cho đức Thích Ca mà làm một vị Phật thứ năm trong Hiền kiếp, đặng đại chuyển pháp luân mà tế độ muôn loài và phổ lợi trong sa giới.

Nhưng ngặt vì chúng sanh chưa rõ lẽ thiện chân, cứ vọng tưởng những việc huyền hoặc, mà đành chịu sa chìm vào nơi khổ hải và tự mình chuốc lấy nẻo luân hồi.

Chớ chur Phật tuy đã nhập diệt rồi, song Tam Bảo còn lưu trụ khắp cõi nhân gian, nếu ai hết lòng tinh tấn vui theo mà thọ trì, thì cũng như Phật đương trụ thế vậy.

Tiếc thay! Người đời trí cạn chương sâu và tội nhiều phước ít, cho nên đối diện ngôi Tam Bảo coi như cách xa ngàn dặm.

Vì nguyên nhân của chúng sanh như thế, nên bắt đắc dĩ ngài mới ứng tích nhiều thời kỳ, đặng hóa độ các kẻ phạm loại trong nhân gian đó thôi.

Sự tích đức Chuẩn Đề

Đức Chuẩn Đề vốn là Thất Cu Chi Phật Mẫu.

Ngài thường thuyết kinh Đà La Ni, nguyện cầu cho tất cả trong thế gian và xuất thế gian đều thành tựu những sự nghiệp tu tập.

Vì tấm lòng từ bi vô hạn của ngài với quần sanh như mẹ thương yêu đám con khờ, nên kêu là Phật Mẫu.

Ngài thường diễn nói rằng: "Chân như thiết và tánh chân thường của tất cả chúng sanh xưa nay đều sẵn có trong bản giác chư Phật vậy, nên trong đó gồm đủ các đức dụng khắp cõi hà sa.

Nhưng ngặt vì cứ hủy báng chánh pháp, chẳng tin lời của Phật, tự mình tôn cho mình, nên phải trầm luân đoạ lạc, dầu cho ngàn vị Phật ra đời cũng khó mà cứu chữa được."

Ngài thấy vậy nên mới sanh lòng từ mẫn, lập pháp môn phương tiện mà điều phục các việc trần cấu của người sơ cơ nhập đạo, và muốn đồng với chư Phật một nguồn giác, để dứt chỗ vọng mà quy về nơi chân.

Nay xin tuyên dương bửu tượng của đức Chuẩn Đề ra đây, để cho những người mộ đạo chiêm ngưỡng và lễ bái, thì được phước vô lượng vô biên.

Bửu tượng của ngài có nhiều vẻ quang minh tốt đẹp, đều chiếu diệu cả mình, còn thân tướng thì sắc vàng mà có làn điển quang trắng.

Ngài chỉ ngồi kiết già, trên thì đắp y, còn dưới thì mặc xiêm đều tròn một sắc trắng mà có bông, lại có đeo chuỗi anh lạc và trên ngực có hiện ra một chữ vạn.

Còn hai cườm tay có đeo hai chiếc bằng ốc trắng, hai bên cánh tay trở có xuyên thất châu coi rất xinh lịch, lại hai trái tai có được ngọc bửu đương và trong các ngón tay đều có đeo vòng nhỏ.

Trên đầu thì đội mào hoa quang, trên mào ấy có hóa hiện ra 5 vị Như Lai.

Nơi mặt ngài có 3 con mắt, trong mỗi con mắt ấy coi rất sắc sảo, dường như chăm chỉ ngó các chúng sanh mà có ý sanh lòng từ mẫn vậy.

Toàn thân của ngài có mười tám cánh tay, mỗi bên chín cánh.

Hai bàn tay ở trên hết thì kiết ấn Chuẩn Đề, như tướng đương lúc thuyết pháp.

Tay trái thứ hai cầm lá phướn như ý, còn tay mặt kiết ấn thí vô úy.

Tay trái thứ ba cầm một bông sen đỏ, còn tay mặt cầm cây gươm.

Tay trái thứ tư cầm một bình nước, còn tay mặt cầm một xâu chuỗi Ni ma bửu châu.

Tay trái thứ năm cầm một sợi dây kim cang, còn tay mặt cầm một trái la ca quả.

Tay trái thứ sáu cầm một cái bánh xa luân, còn tay mặt cầm một cái búa.

Tay trái thứ bảy cầm cái pháp loa, còn tay mặt cầm cái thiết câu.

Tay trái thứ tám cầm một cái bình như ý, còn tay mặt cầm một cái chày kim cang.

Tay trái thứ chín cầm một cuốn kinh Bát Nhã Ba La Mật, còn tay mặt cầm một xâu chuỗi dài.

Ngài ngồi trên tòa sen, dưới có hai vị Long Vương ủng hộ. Đó là bửu tượng của ngài đại lược như vậy, nếu ai có lòng trì niệm, muốn chiến vọng mà quán tưởng, thì vọng niệm chẳng sanh mà chân tâm hiển hiện.

Nếu công phu thuần thực lâu rồi, chẳng có chút gì gián đoạn, thì sẽ được phước quả rất rộng lớn, có ngày đạt tới nơi cực quả Bồ Đề nữa.

Song đương thời kỳ mạt pháp, những người sơ cơ hành giả, tam nghiệp chưa thuần, chẳng hay làm theo phương pháp chư quán, nên tâm sanh biếng nhác, thì tự nhiên phải mất hẳn hột giống bồ đề.

Nếu ai nương theo kinh pháp của ngài mà thọ trì, thì mau được chỗ linh nghiệm.

Đương lúc quán tưởng thân chủ của ngài, thì cần nhất phải tương phù, thì nẻo sanh tử nào mà ra chẳng khỏi, chỗ niết bàn nào mà chứng chẳng được!

Vậy nên phải ân cần chuyên chú mà tu tập theo yếu pháp của ngài, thì sẽ thấy rõ các việc hiệu quả.

Nghĩ coi, từ đời vô thủy trải vô lượng số kiếp nhân nay, chúng sanh chỉ bị màn vô minh che lấp, mắt chánh nhãn phải lu mờ, rồi vọng tâm phần khởi, thường tạo nghiệp đa đoan, cho nên phải bị luân hồi trong vòng lục đạo và đoạ lạc vào nẻo tam đồ.

Ai là người có chí nguyện muốn ra khỏi cái nạn khổ ấy, đừng mau đến chỗ diệu quả vô thượng bồ đề, thì phải nhất tâm chân thật đến trước thánh tượng, mà đứng cho ngay và chắp tay đánh lễ, chí tâm quán tưởng tôn dung của ngài và chuyên niệm thập phương Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, thì thể của ta như hư không, chẳng có chỗ nào là chỗ chướng ngại, và tánh lại thường trụ, đoạn trừ được các tướng qua lại động tịnh. Hễ có cảm thì có ứng là lẽ tất nhiên như vậy.

Bởi vì ngài thường mẫn niệm các chúng sanh trong đời vị lai, phước căn thiên bạc và ác nghiệp đầy đầy, nên mới lập ra một pháp môn quán tưởng có chín chữ Phạm là: "Chiết lệ chủ lệ chuẩn đề ta bà ha."

Nếu vẽ chín chữ ấy thành như cái mặt "Viên minh bố liệt phạm thơ đồ" rồi mỗi đêm thường quán tưởng, thì các tội đều tiêu diệt và sẽ được tăng ít phước điền nữa.

Chí như người tại gia hay là người xuất gia mà tu tập theo hạnh chân ngôn nơi trên đây, và tụng trì chú Đà La Ni cho đủ chín mươi muôn biến, dầu cho vô lượng kiếp đến nay có tạo những tội thập ác, ngũ nghịch và tứ trọng, phải mắc vào ngũ vô gián tội đi nữa, thì cũng thấy đều tiêu diệt tất cả.

Chú Đà La Ni chép y dưới đây:

Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đề, câu chi nẫm, đất diệt tha: Án Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề Ta Bà Ha.

Nếu trì tụng được như vậy, thì đến ngày thọ chung đặng thác sanh vào chỗ thiện duyên và hưởng nhiều sự khoái lạc nữa.

Nói về phần hiệu quả của những người tại gia, tu theo pháp tam quy ngũ giới, một lòng kiên cố, chẳng có chút nào thoái chuyển, mà lại có lòng xu hướng và trì tụng chú Đà La Ni, thì kiếp sau sẽ sanh về cõi trời, hưởng phước đức đời đời, hay là sanh trong cõi nhana gian, hoặc làm vị quốc vương, hoặc làm bậc công hầu... thường gần gũi với các vị thánh hiền mà chư thiên hay ái kính, thường hết lòng ủng hộ gia trì, chẳng khi nào bị đọa vào đường ác thú.

Còn nếu những người ấy ra kinh doanh trong trường thế cuộc, thì không có tai hại gì, cho đến nghi dung cũng đoan chánh, lời nói rất ôn hòa, tâm không phiền não, an nhàn tự tại, lui tới thông dung, hưởng phước một đời, rất nên mỹ mãn.

Nói về phần hiệu quả của các vị xuất gia, nếu giới cấm đã hoàn toàn, công hạnh đã thuần phục, mỗi ngày ba thời tụng niệm, rồi y theo giáo pháp của đức Chuẩn Đề mà tu hành, và chí nguyện cầu đến chỗ tất địa xuất thế gian của chư Phật, thì tự nhiên tâm không sát ngại, tánh lại viên minh, một màu thanh tịnh, không còn trước nhiệm nơi cảnh hữu vi, chỉ thấy định huệ hiện tiền.

Chừng đó sẽ chứng đặng quả địa Ba La Mật rất viên mãn, rồi có ngày sẽ chứng đến quả vô thượng chánh đẳng Bồ đề.

Thoảng như quán tưởng thấu đáo tới chỗ thâm lý, thì đương lúc hiện tại cũng chứng được Phật quả đại thừa.

Có phải là pháp môn của đức Chuẩn Đề rất vi diệu và rất thuần túy hay không?

Tuy chân ngôn từ ngữ như vậy, chớ toàn thị là vô tướng pháp giới, mà lục độ và vạn hạnh cũng là từ trong pháp giới lưu bố ra.

Nói tóm lại, đức Chuẩn Đề Phật Mẫu là một vị pháp thân Bồ tát ở cõi trang nghiêm thế giới, không có giảng sanh nơi cõi nhân gian. Song giáo pháp của ngài rất bí mật mà nay được rõ biết đây, là nhờ đức Thích Ca giải rõ chỗ lý địa và hình tượng, nên người sau mới biết công đức và họa bửu tượng mà thờ như vậy.